

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2307/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long
thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 20/10/2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2006;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đất đai ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề;
Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. THỜI KỲ QUY HOẠCH

Thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. PHẠM VI QUY HOẠCH

Toàn bộ địa giới hành chính của các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm thành phố Cần Thơ và các tỉnh: Vĩnh Long, Cà Mau, An Giang, Đồng Tháp và một phần tỉnh Tây Ninh, với diện tích khoảng 4 triệu ha (không bao gồm các đảo).

III. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển thủy lợi góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh nguồn nước trên cơ sở định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ tại nghị quyết, kết luận, quy hoạch, kế hoạch của Đảng, Nhà nước, phù hợp với nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước, thống nhất theo lưu vực sông.

2. Lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, coi nước mặn, nước lợ cũng là tài nguyên, đề xuất giải pháp thủy lợi theo hướng thuận thiên có kiểm soát theo 3 vùng sinh thái: ngọt, lợ, mặn, từng bước hình thành các vùng sản xuất theo hệ sinh thái tương đối ổn định nhằm phục vụ tái cơ cấu các ngành kinh tế, trong đó có ngành nông nghiệp.

3. Đầu tư công trình thủy lợi theo phương châm “không hối tiếc”, tôn trọng quy luật tự nhiên, phục vụ đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình nhằm ứng phó với tình huống bất lợi nhất, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa phát triển thủy lợi với phát triển cơ sở hạ tầng khác.

4. Chủ động khai thác, bảo vệ nguồn nước trong mọi tình huống, bảo đảm số lượng, chất lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu nước trên cơ sở cân đối nguồn nước tại chỗ. Tích trữ, điều hòa, liên kết nguồn nước từ các hệ thống thủy lợi trong vùng.

5. Phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai do hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, ứng theo nguyên tắc “quản trị rủi ro”, “chủ động sống chung với lũ” nhằm giảm thiểu tổn thất về tính mạng, tài sản và nâng cao sinh kế của người dân.

6. Ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong quy hoạch, xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chủ động điều tiết nguồn nước, thích ứng với phát triển thượng nguồn và biến đổi khí hậu để cấp nước, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước bền vững cho dân sinh và các ngành kinh tế; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình sản xuất một cách linh hoạt; nâng cao năng lực chủ động phòng, chống thiên tai, sẵn sàng ứng phó với trường hợp bất lợi nhất; đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường; góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, giữ vững quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tưới, cấp nước

Bảo đảm cấp và tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho khoảng 17 - 18 triệu người; tạo nguồn cấp nước cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao từ các hệ thống công trình thủy lợi.

Cấp nước chủ động cho khoảng 1,5 - 1,6 triệu ha diện tích đất trồng lúa 2 vụ; 0,65 - 0,75 triệu ha đất trồng lúa vụ 3; 0,21 triệu ha rau màu, hoa, cây cảnh, với mức đảm bảo tưới 85%; 0,4 - 0,45 triệu ha cây ăn trái với mức bảo đảm tưới 90 - 95%.

Cấp nước chủ động cho nuôi trồng thủy sản với diện tích khoảng 0,8 triệu ha, trong đó: nuôi thủy sản nước ngọt là 0,13 triệu ha; nuôi thủy sản nước mặn là 0,67 triệu ha; bảo đảm cấp, thoát nước tách rời cho khoảng 0,08 triệu ha nuôi trồng thủy sản tập trung.

Bảo đảm cấp nước chủ động cho sinh hoạt nông thôn và sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn tương đương đợt hạn hán năm 2015 - 2016 tại đồng bằng sông Cửu Long, đến năm 2030 giải quyết dứt điểm nước sinh hoạt cho người dân nông thôn vùng ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

Bảo vệ, giảm thiểu ô nhiễm chất lượng nước trong các hệ thống thủy lợi đạt tiêu chuẩn cấp nước cho các hoạt động sử dụng nước.

Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới các công trình thủy lợi và hoàn thiện hệ thống kênh, rạch, kết hợp với giao thông nội đồng để chủ động tưới, tiêu, điều tiết nước mặn, ngọt cho một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Tiêu, thoát nước

Chủ động tiêu, thoát nước ra sông trực chính, tăng diện tích tiêu bằng động lực, đảm bảo tiêu, thoát nước ở vùng thấp trũng phục vụ dân sinh, nông nghiệp với tần suất từ 5% đến 10%; đáp ứng yêu cầu tiêu, thoát cho khu đô thị, công nghiệp; tiêu thoát chủ động cho 1,6 triệu ha diện tích lúa 2 - 3 vụ, 0,4 - 0,45 triệu ha cây ăn trái, 0,21 triệu ha cây hàng năm, 0,8 triệu ha nuôi trồng thủy sản.

c) Phòng, chống lũ, ngập úng

Phòng, chống ngập úng với tần suất 1% cho các đô thị thuộc các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Cà Mau, Vĩnh Long, An Giang, Đồng Tháp, dành không gian chứa nước từ 7 - 10% diện tích đất phục vụ chống ngập cho các đô thị, kết hợp tạo cảnh quan môi trường, sinh thái.

d) Kiểm soát mặn

Chủ động kiểm soát mặn khoảng 1,35 triệu ha đất sản xuất nông nghiệp theo các điểm khống chế mặn từ 1g/l đến 4g/l trong vùng.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Bảo đảm chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh trong mọi tình huống bất lợi, giảm thiểu thiệt hại cho đời sống và sản xuất của người dân do tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn gây ra ở mức thấp nhất.

Bảo đảm đầu tư đồng bộ, khép kín các hệ thống công trình thủy lợi từ đầu mối đến nội đồng, nâng dần mức đảm bảo cấp nước, tiêu thoát nước, phòng chống lũ của các hệ thống thủy lợi.

Hoàn thiện các hệ thống tích trữ, điều hòa, liên kết nguồn nước liên vùng, đảm bảo chủ động kiểm soát lũ, kiểm soát mặn, hạn chế thiên tai do nước gây ra.

Giải quyết cơ bản hiện tượng ngập úng do lũ, mưa và triều cường cho các khu vực đô thị bằng các giải pháp thủy lợi.

V. GIẢI PHÁP QUY HOẠCH

1. Phân vùng quy hoạch và điểm khống chế mặn

a) Phân vùng quy hoạch

Vùng sinh thái ngọt: Diện tích 1,9 triệu ha bao gồm một phần của hệ thống thủy lợi Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên, Bắc Vàm Nao, Nam Vàm Nao, vùng Tây sông Hậu, Bắc Vĩnh An, U Minh Hạ, thuộc một phần các tỉnh, thành phố: Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Tây Ninh, Cần Thơ, Cà Mau. Định hướng phát triển thủy lợi cho vùng này phục vụ cho các mô hình sản xuất: cây ăn trái, lúa, rau màu và thủy sản nước ngọt.

Vùng sinh thái ngọt - lợ: Diện tích 1,35 triệu ha bao gồm các hệ thống thủy lợi Nhật Tảo - Tân Trụ, Gò Công, Bắc Bến Tre, Nam Bến Tre, Nam Măng Thít, Long Phú - Tiếp Nhật, U Minh Thượng, một phần của Tứ Giác Long Xuyên, thuộc một phần các tỉnh, thành phố: An Giang, Cà Mau, Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Tây Ninh. Định hướng phát triển thủy lợi cho vùng này phục vụ cho các mô hình sản xuất: cây ăn trái, lúa, tôm - lúa. Các giải pháp thủy lợi cần linh hoạt phục vụ chuyển đổi sản xuất, phù hợp với điều kiện nguồn nước.

Vùng sinh thái mặn: Diện tích 0,75 triệu ha vùng ven biển thuộc một phần các tỉnh/thành phố: An Giang, Cà Mau, Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Tây Ninh. Định hướng phát triển thủy lợi cho vùng này tập trung phục vụ cho nuôi trồng thủy sản với các hình thức: thâm canh, quảng canh cải tiến, tôm - rừng.

b) Điểm khống chế xâm nhập mặn

Điểm khống chế mặn trên dòng chính với độ mặn 1g/l phục vụ cấp nước sinh hoạt và cây ăn trái: trên sông Vàm Cỏ Tây tại cống Bắc Đông; trên sông Tiền tại đầu kênh Nguyễn Tấn Thành; trên sông Hàm Luông tại An Hiệp; trên sông Cổ Chiên tại vị trí hợp lưu với sông Măng Thít; trên sông Hậu tại kênh Cái Cui; trên sông Cái Lớn tại cầu Cái Tư.

Điểm khống chế mặn trên dòng chính với độ mặn 4g/l ngưỡng mặn tối đa phục vụ sản xuất lúa: trên sông Tiền tại cống Xuân Hòa; trên sông Hàm Luông

tại Mỹ Hóa; trên sông Cỏ Chiên tại cống Vũng Liêm; trên sông Hậu tại kênh Cái Côn; trên sông Vàm Cỏ Tây tại Tân An.

2. Giải pháp công trình

a) Vùng sinh thái ngọt

- Kiểm soát lũ: Tập trung giải pháp kiểm soát lũ tràn biên giới từ Campuchia vào Việt Nam tại vùng Tứ Giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười; lũ trên dòng chính sông Tiền, sông Hậu; tăng khả năng tiêu, thoát lũ nội đồng, cụ thể:

+ Đầu tư xây dựng công trình Trà Đư 1, Trà Đư 2, Trung Tâm 1, Trung Tâm 2, hệ thống kiểm soát lũ Tân Thành - Lò Gạch.

+ Đầu tư xây dựng các cống đầu kênh lớn dọc sông Hậu vùng Tứ Giác Long Xuyên, Tây sông Hậu, cống dọc sông Tiền vùng Đồng Tháp Mười.

+ Nạo vét các trục kênh thoát lũ ngang từ sông Tiền sang sông Vàm Cỏ Tây (Hồng Ngự, An Bình, Đồng Tiến - Lagrange - Dương Văn Dương, An Phong - Mỹ Hòa...), các trục kênh từ sông Hậu sang phía biển Tây (Cần Thảo, Tri Tôn, Mười Châu Phú, Ba Thê...), các kênh thoát lũ dọc xuống sông Tiền (Kênh 2/9, Kháng Chiến, Bình Thành...).

- Cấp nước, tiêu, thoát nước: Tăng cường cấp nước từ sông chính vào các khu vực xa sông gần biển, các khu vực thiếu nước ngọt; xây dựng hệ thống cống lớn đầu kênh, cống cửa sông, cống dưới đê thành các ô bao lớn để chủ động chống ngập úng, tiêu, thoát nước; nạo vét kênh, rạch tăng khả năng cấp, tiêu, thoát nước, cụ thể:

+ Nâng cấp, sửa chữa, hiện đại hóa công trình thủy lợi phục vụ cấp nước, tiêu, thoát nước của các hệ thống thủy lợi, các vùng; công trình chuyển nước từ sông Hậu cho các khu vực thiếu nước ngọt vùng Bán đảo Cà Mau, vùng Nam quốc lộ 1A tỉnh Cà Mau; công trình chuyển nước Bảo Định - Gò Công - Tân Trụ.

+ Xây dựng mới, củng cố, hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng: đê bao, bờ bao, cống bọng; nạo vét hệ thống kênh, rạch; xây dựng mới các trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ.

b) Vùng sinh thái ngọt - lợ

- Cấp nước, tiêu, thoát nước: Hoàn thiện khép kín hệ thống thủy lợi chủ động cấp, tiêu, thoát nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cây ăn trái, cụ thể:

+ Củng cố, nâng cấp hệ thống đê bao, bờ bao, cống bọng; cải tạo các cống lấy nước theo hình thức tự động sang cưỡng bức (tại các khu vực có diễn biến xâm nhập mặn bất thường) để chủ động điều tiết nước ngọt, nước lợ.

+ Nạo vét các trục kênh, rạch dẫn nước để chủ động cấp, tiêu, thoát nước, trữ nước; tạo nguồn cấp nước ngọt trong mùa khô hạn cũng như tiêu thoát nước kịp thời trong mùa mưa lũ.

+ Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống trạm bơm điện vừa và nhỏ để chủ động trong cấp, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất, nuôi trồng thủy sản, cây ăn trái tập trung.

- Kiểm soát mặn: Hoàn thiện, khép kín các hệ thống thủy lợi, xây dựng các công trình kiểm soát mặn, cụ thể:

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các công trình kiểm soát mặn dọc theo sông Tiền, sông Hậu, các cống kiểm soát mặn của các hệ thống thủy lợi.

+ Đầu tư xây dựng các công trình phân ranh mặn ngọt để bảo đảm chủ động kiểm soát nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

+ Đầu tư xây dựng các cống lớn kiểm soát nguồn nước cửa sông: cống Vàm Cỏ, cống Hàm Luông, cống Gành Hào, cống sông Đốc. Tiếp tục nghiên cứu cống cửa sông lớn như cống Cổ Chiên, cống Cung Hầu.

c) Vùng sinh thái mặn

- Cấp nước, tiêu, thoát nước: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi để chủ động điều tiết nguồn nước mặn - ngọt, kiểm soát triều cường; hoàn thiện các ô bao thủy lợi để bảo vệ khu vực sản xuất; tăng cường trữ nước trong hệ thống kênh, rạch; cân đối, điều hòa nguồn nước giữa các khu vực; đề xuất giải pháp cấp nước mặn từ biển, cụ thể:

+ Hoàn thiện các công trình phân ranh mặn - ngọt vùng Bán đảo Cà Mau, ven biển tỉnh Vĩnh Long.

+ Hoàn thiện, khép kín các ô thủy lợi tại vùng Nam Cà Mau để chủ động điều tiết nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản.

+ Nạo vét hệ thống sông, kênh, rạch để chủ động cấp nước mặn, tiêu, thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi cấp nước, thoát nước tách rời phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung.

+ Đầu tư xây dựng mô hình cấp nước mặn từ biển bằng trạm bơm, đường ống phục vụ cho mô hình nuôi tôm thâm canh tại một số khu vực thuận lợi.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng củng cố, nâng cấp các tuyến đê biển, hệ thống kè chắn sóng gây bồi, tạo bãi kết hợp với trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển, bờ biển.

d) Một số công trình cụ thể hóa các giải pháp quy hoạch cấp trên

Tiếp tục đầu tư công trình chuyển nước cho vùng Nam quốc lộ 1 Cà Mau: cống - âu thuyền Vàm Léo; cống - âu thuyền Hộ Phòng; hệ thống cống ven đê Tây Gành Hào - Hộ Phòng; trạm bơm Cầu Sập.

Đầu tư công trình chuyển nước cho vùng Bán đảo Cà Mau: nạo vét các trục kênh cấp nước từ sông Hậu (các kênh KH, Thốt Nốt, Trâm Bàu...); xây dựng cống sông Đốc và một số cống bờ Nam sông Đốc; kết hợp trạm bơm và đường ống.

Đầu tư công trình xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình trữ nước ngọt phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất, phòng, chống cháy rừng, kết hợp du lịch sinh thái. Ưu tiên tận dụng các đoạn sông, kênh, rạch, khu đất ngập nước tự nhiên với các công trình điều tiết 2 đầu để hình thành các công trình trữ nước.

Chống ngập úng cho các đô thị: Trên cơ sở đặc thù ngập úng theo từng vùng sinh thái, vùng ngọt ngập chủ yếu do lũ đầu nguồn, vùng lợ ngập do ảnh hưởng cả lũ và triều, vùng mặn ngập chủ yếu do triều cường, đề xuất các công trình chống ngập cho phù hợp, kết hợp hài hòa giữa đầu tư các công trình cống, đập kiểm soát, trạm bơm, đê bao, bờ bao, hồ điều hòa và quy trình quản lý vận hành công trình chống ngập.

3. Giải pháp phi công trình

Tăng cường vận hành công trình thủy lợi để trữ nước tối đa trong các hệ thống thủy lợi khép kín, kênh, rạch để phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở, sụt, lún bờ kênh, rạch (ngay cả trong mùa kiệt); vận động người dân trữ nước trong ruộng vườn, lên liếp, đào ao trữ nước và sử dụng các dụng cụ trữ nước hộ gia đình. Các khu bảo tồn đất ngập nước, rừng quốc gia (U Minh Thượng, U Minh Hạ, Tràm Chim, Gáo Giồng...), ngoài nhiệm vụ trữ nước còn tham gia phòng chống cháy rừng trong mùa khô.

Bố trí, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, lịch thời vụ canh tác nông nghiệp phù hợp với điều kiện nguồn nước hàng năm.

Phổ biến các mô hình sinh kế đa dạng, phù hợp với điều kiện tự nhiên của các vùng sinh thái, tăng cường áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước.

Từng bước di dời người dân sống ven sông, kênh thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, khu vực sạt lở nghiêm trọng; sắp xếp, quản lý, tái định cư dân cư sống ven kênh rạch, bảo đảm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi; tổ chức thực hiện chương trình điều tra dân cư sống ven kênh rạch; bố trí các khu tái định cư để di dời người dân khi thực hiện các dự án thủy lợi.

Nâng cao chất lượng công tác giám sát, dự báo nguồn nước; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác dự báo, cảnh báo lũ, hạn hán, xâm nhập mặn; tích hợp cơ sở dữ liệu thủy lợi (độ mặn, mực nước, số lượng, chất lượng nước...) vào Trung tâm quan trắc dữ liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long; tiến tới vận hành theo thời gian thực, tối ưu, vận hành thông minh.

Tăng cường thu thập dữ liệu đo đạc khí tượng, thủy văn chuyên dùng, khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ cung cấp dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất.

Rà soát, hoàn thiện quy trình vận hành công trình, hệ thống thủy lợi và hệ thống thủy lợi liên vùng để đảm bảo hài hòa công tác điều tiết nguồn nước, nhất là trong các trường hợp thiên tai bất thường; kiện toàn tổ chức các đơn vị quản lý vận hành hệ thống thủy lợi theo quy định pháp luật.

Quản lý, hạn chế khai thác cát sỏi lòng sông để giảm hạ thấp mực nước trên sông Tiền, sông Hậu, giảm sạt lở bờ sông, kênh; phân tích đánh giá diễn biến lượng bùn cát về đồng bằng; nghiên cứu sử dụng các vật liệu thay thế cát sỏi trong hoạt động xây dựng.

Triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, thủy lợi; nghiên cứu các công nghệ xây dựng, sử dụng vật liệu mới; nghiên cứu lai tạo các giống thủy sản có khả năng thích nghi cao, các giống cây trồng có khả năng chịu mặn, chịu ngập cao, dài ngày...

Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức người dân trong công tác trữ nước, sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế sử dụng nước dưới đất.

VI. DANH MỤC DỰ ÁN VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

1. Tiêu chí lựa chọn phân cấp đầu tư

Việc đề xuất danh mục công trình dự kiến đầu tư phù hợp với quy hoạch cấp trên và các quy hoạch liên quan thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như: Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, Quy hoạch tài nguyên nước, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long và Quy hoạch tỉnh, thành phố trong lưu vực; phù hợp khả năng bố trí, huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi từ trung ương đến địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Trung ương dự kiến đầu tư công trình có quy mô vừa và lớn, tác động liên vùng, liên tỉnh có tính chất kỹ thuật phức tạp. Các địa phương dự kiến đầu tư công trình trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư các công trình cấp nước từ biển phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung; các trạm bơm tưới, tiêu quy mô nhỏ. Huy động nguồn lực người dân tham gia đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng.

Các công trình ưu tiên xác định dựa trên các tiêu chí: công trình đã lập và có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, công trình giao chuẩn bị đầu tư; công trình không hối tiếc, phù hợp với hiện tại và không mâu thuẫn với tương lai; đầu tư theo từng hệ thống, đảm bảo đồng bộ, khép kín và phát huy hiệu quả sớm; công trình có quy mô vừa và lớn, tác động liên vùng, liên tỉnh; công trình phục vụ cho “Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”.

2. Danh mục dự án, công trình dự kiến

Danh mục dự án, công trình dự kiến xác định trong quy hoạch có thể xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch tùy theo tính cấp

thiết của dự án và tình hình thực tế từng giai đoạn. Việc thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh phù hợp tùy thuộc khả năng nguồn vốn. Mục tiêu, quy mô, địa điểm, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, nhu cầu sử dụng đất của từng dự án, công trình cụ thể sẽ được xác định trong quyết định đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

3. Phân kỳ thực hiện quy hoạch

Nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch khoảng 132.807 tỷ đồng, trong đó giai đoạn đến năm 2030 là 69.456 tỷ đồng, giai đoạn sau năm 2030 là 63.351 tỷ đồng, được huy động, bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Danh mục công trình đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp tại các vùng sinh thái từ Phụ lục I đến Phụ lục VIII kèm theo)

VII. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT

Tổng nhu cầu sử dụng đất để triển khai thực hiện quy hoạch khoảng 36.389 ha, trong đó: Nhu cầu đất đến năm 2030 là 23.109 ha; nhu cầu đất sau năm 2030 là 13.280 ha.

VIII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp cơ chế, chính sách

Củng cố, kiện toàn, sắp xếp, tinh gọn các tổ chức quản lý, khai thác để vận hành, khai thác hiệu quả và bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, tăng cường phân cấp trong công tác đầu tư, quản lý hệ thống thủy lợi.

Sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, chuyên ngành về quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy lợi gắn với chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại. Nâng cao năng lực cho tổ chức thủy lợi cơ sở, bồi dưỡng tay nghề cho người lao động trực tiếp tham gia vận hành công trình.

Thực hiện chính sách đãi ngộ phù hợp, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng tham gia hoạt động thủy lợi, hình thành đội ngũ chuyên gia ở trung ương và địa phương.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

Rà soát, sửa đổi và bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho công tác thủy lợi nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, hiện đại hóa công trình thủy lợi bảo đảm an ninh nguồn nước; nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo lũ, ngập lụt, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sạt lở, bồi lắng; ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới trong thiết kế, xây dựng công trình thủy lợi.

Ứng dụng công nghệ số, hạ tầng quản trị số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh vào chỉ đạo điều hành, quản lý, khai thác, vận hành hạ tầng thủy lợi.

Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để quản lý nhu cầu sử dụng nước, sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm, an toàn, tuần hoàn, tái sử dụng nước; tăng cường nghiên cứu các giải pháp thu, trữ nước, tạo nguồn nước, bổ cập nước dưới đất, phát triển bền vững nguồn sinh thủy; điều hòa, phân phối, chuyển nước, liên kết nguồn nước.

Ứng dụng khoa học công nghệ trong phục hồi nguồn nước tại các hệ thống thủy lợi bị ô nhiễm; bảo vệ môi trường nước, kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý hiệu quả nguồn gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi.

4. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền

Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, quản lý khai thác công trình thủy lợi, phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan.

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, lồng ghép vào một số chương trình giảng dạy. Nhân rộng, phổ biến những mô hình hiệu quả trong quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, chính sách, chuyển giao công nghệ trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi; huy động nguồn lực quốc tế cho công tác thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia.

6. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để xây dựng các công trình có quy mô lớn, phục vụ đa mục tiêu, có tác động liên vùng, liên tỉnh, công trình tại các khu vực thường xuyên chịu tác động hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.

Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp công hàng năm để hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành phân phối nguồn nước, phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.

Khuyến khích và đẩy mạnh huy động các nguồn xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác công trình thủy lợi.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động các nguồn lực (ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách, vốn tín dụng...) tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi theo quy hoạch và thể chế hóa các giải pháp về phân cấp, phân quyền huy động nguồn lực.

Hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư đảm bảo hiệu quả, minh bạch, phù hợp với các nguồn lực theo phân kỳ quy hoạch.

7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

Phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện quy hoạch giữa trung ương và địa phương; phối hợp giữa các bộ, ngành, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để giám sát thực hiện các vấn đề liên ngành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch.

Kiểm tra, giám sát định kỳ thực hiện quy hoạch để bảo đảm quy hoạch được thực hiện đúng quy định; phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tổ chức công bố quy hoạch, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan triển khai tuyên truyền các nội dung trọng tâm của quy hoạch. Cung cấp dữ liệu có liên quan để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong lưu vực quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch; kiểm tra, giám sát thực hiện, đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định.

Triển khai xây dựng kế hoạch, đề xuất các giải pháp triển khai quy hoạch đồng bộ, hiệu quả. Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

Phối hợp với Bộ Tài chính để bố trí ngân sách hàng năm thực hiện quy hoạch.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong lưu vực bố trí nguồn lực, đề xuất các cơ chế chính sách để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với thực hiện chiến lược phát triển

thủy lợi, chiến lược phòng, chống thiên tai, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Cửu Long

Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật trong phạm vi địa phương; quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch; xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm về thủy lợi phù hợp với quy hoạch; bố trí ngân sách đầu tư hạ tầng thủy lợi trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Cửu Long và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố: An Giang, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tây Ninh, Vĩnh Long;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, NN (2b). 53b

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**





Phụ lục I
DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ XÂY MỚI, NÂNG CẤP CÔNG
(Kèm theo Quyết định số 7307/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030	Ghi chú
					Chiều rộng (m)	Cao trình đáy (m)						
A	ĐỒNG THÁP MƯỜI											
I	Cụm công dọc sông Tiền											
1	Công Hồng Ngự	Đồng Tháp	Xây mới	1	60	-4	Tưới, tiêu, kiểm soát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x	
2	Công An Bình	Đồng Tháp	Xây mới	1	20	-3	Tưới, tiêu, kiểm soát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x	
3	Công Đồng Tiến	Đồng Tháp	Xây mới	1	30	-3,5	Tưới, tiêu, kiểm soát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x	
II	Cụm công kiểm soát mặn ven đường tỉnh 864											
1	Công Trà Tân	Đồng Tháp	Xây mới	1	26	-5,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x		
2	Công Ba Rài	Đồng Tháp	Xây mới	1	50	-3,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x		
3	Công Cái Bè	Đồng Tháp	Xây mới	1	25	-3,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x		
4	Công Trà Lọt	Đồng Tháp	Xây mới	1	50	-3,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030	Ghi chú
					Chiều rộng (m)	Cao trình đáy (m)						
5	Cổng Cái Côi	Đồng Tháp	Xây mới	1	50	-3,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x		
6	Cổng 26/3	Đồng Tháp	Nâng cấp	1	2,5	-1,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x		
III	Nâng cấp hệ thống cổng ven quốc lộ 62											
1	Cổng Rạch Chanh	Tây Ninh	Nâng cấp	1	15	-3	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Đồng Tháp Mười	x		
2	Cổng Bắc Đông	Tây Ninh	Nâng cấp	1	15	-3	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Đồng Tháp Mười	x		
IV	Xây dựng các tràn thoát lũ khu vực Tứ Thường											
1	Tràn Trà Đư 1, 2	Đồng Tháp	Xây mới	1	300		Kiểm soát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x	
2	Tràn Trung Tâm 1, 2	Đồng Tháp	Xây mới	1	300		Kiểm soát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x	
3	Hệ thống kiểm soát lũ Tân Thành - Lò Gạch	Đồng Tháp, Tây Ninh	Xây mới	1			Kiểm soát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x	
B	Ô MÔN - XÀ NO											
	Cải tạo, nâng cấp các cổng thuộc HTTL Ô Môn - Xà No (103 cổng)	An Giang, Cần Thơ	Nâng cấp	103	5 - 20		Tưới, tiêu	Ngọt	Ô Môn-Xà No	x		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030	Ghi chú
					Chiều rộng (m)	Cao trình đáy (m)						
C	TỨ GIÁC LONG XUYÊN											
I	Cổng điều tiết mặn vùng Tứ Giác Long Xuyên											
1	Cổng Phú Mỹ	An Giang	Xây mới	1	20	-3	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
2	Cổng âu thuyền Đàm Chích	An Giang	Xây mới	1	20	-3	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
3	Cổng âu thuyền Ba Hòn	An Giang	Nâng cấp	1	50	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Mặn	Tứ Giác Long Xuyên	x		
II	Các cổng thuộc dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh An Giang											
1	Cổng T5-1	An Giang	Xây mới	1	10	-3	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
2	Cổng T5-2	An Giang	Xây mới	1	10	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
3	Cổng K3-1	An Giang	Xây mới	1	10	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
4	Cổng K3-2	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
5	Cổng K3-3	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
6	Cổng K3-4	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030	Ghi chú
					Chiều rộng (m)	Cao trình đáy (m)						
7	Cổng K3-5	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
8	Cổng K3-6	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
9	Cổng K3-7	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
10	Cổng T6-1	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
11	Cổng T6-2	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
12	Cổng T6-3	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
13	Cổng T6-4	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
14	Cổng T6-5	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
15	Cổng T6-6	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
16	Cổng K9-1	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
17	Cổng K9-2	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
18	Cổng K9-3	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
19	Cổng K9-4	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
20	Cổng K9-5	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030	Ghi chú
					Chiều rộng (m)	Cao trình đáy (m)						
21	Cổng K9-6	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
22	Cổng Vàm Rầy 1	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
23	Cổng Vàm Rầy 2	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
III	Hệ thống công điều tiết mặn - ngọt vùng Tây - Nam quốc lộ 80 tỉnh An Giang											
1	Cổng Vàm Rầy 4	An Giang	Xây mới	1	10	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
2	Cổng Vàm Rầy 5	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
3	Cổng Vàm Rầy 6	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
4	Cổng 286-1	An Giang	Xây mới	1	15	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
5	Cổng 285-1	An Giang	Xây mới	1	10	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
6	Cổng 283-1	An Giang	Xây mới	1	15	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
7	Cổng Luỹnh Huỳnh 1	An Giang	Xây mới	1	8	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
8	Cổng Hòn Sóc 1	An Giang	Xây mới	1	15	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		
9	Cổng K9-1	An Giang	Xây mới	1	20	-2,5	Tưới, tiêu, kiểm soát mặn	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x		



Phụ lục II
DANH MỤC DỰ KIẾN KÊNH NẠO VẾT

(Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
I	Vùng Bắc Bến Tre								
1	Rạch Bến Rớ (từ cống Bến Rớ đến cầu Cái Cỏ)	Vĩnh Long	50	4	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
2	Kênh trục dẫn Cây Da	Vĩnh Long	30	4,5	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
3	Kênh trục dẫn Cầu Sập	Vĩnh Long	20	1,7	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
4	Rạch Tre Bông đến rạch Cái Cỏ Quới Thành	Vĩnh Long	10-20	4,5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
5	Rạch Bà Lựu thông ra đến rạch Cái Cùg	Vĩnh Long	10-20	1,7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
6	Rạch Kênh Điều	Vĩnh Long	10-20	2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
7	Kênh Giao Hòa	Vĩnh Long	10-20	2,7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
8	Kênh 30 Tháng 4	Vĩnh Long	10-20	2,49	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
9	Rạch Sông Mã - Kinh Điều	Vĩnh Long	10-20	11	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
10	Kênh Hội Đồng Tinh	Vĩnh Long	10-20	3,4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
11	Kênh Rạch Bần Quý	Vĩnh Long	10-20	3,6	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
12	Kênh Rạch Châu Phú	Vĩnh Long	10-20	4,3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
13	Kênh Cái Ngang	Vĩnh Long	10-20	3,9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
14	Kênh Rạch Châu Thới	Vĩnh Long	10-20	2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
15	Kênh Đầm Hồ	Vĩnh Long	10-20	3,1	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
16	Kênh Xẻo Đường Trâu	Vĩnh Long	10-20	4,45	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
17	Kênh 9B	Vĩnh Long	10-20	3,56	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
18	Kênh cống Liên Xã	Vĩnh Long	10-20	2,05	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
19	Kênh Bình Lợi	Vĩnh Long	10-20	2,91	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
20	Kênh cống đình Bình Thành	Vĩnh Long	10-20	1,9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
21	Kênh cống qua lộ K20	Vĩnh Long	10-20	3,7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
22	Kênh Xẻo Cạn	Vĩnh Long	10-20	3,46	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
23	Kênh 9A	Vĩnh Long	10-20	16,25	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
24	Kênh trục dẫn Châu Bình - Vàm Hồ	Vĩnh Long	10-20	13,31	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
25	Kênh Bờ Bao	Vĩnh Long	10-20	3,45	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
26	Kênh Rạch Cái Mít	Vĩnh Long	10-20	7,6	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
27	Kênh Cặp Lộ Nhựa	Vĩnh Long	10-20	5,65	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
28	Kênh cống Mười Cửa	Vĩnh Long	10-20	2,84	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
29	Kênh cống Rạch Nò	Vĩnh Long	10-20	3,16	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
30	Kênh trục Bắc Nam 1	Vĩnh Long	10-20	18,73	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
31	Kênh trục Bắc Nam 2	Vĩnh Long	10-20	25,45	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
32	Kênh cống Cầu Vĩ	Vĩnh Long	10-20	6,1	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
33	Kênh cống Rạch Lá	Vĩnh Long	10-20	1,9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
34	Kênh Láng Sen	Vĩnh Long	10-20	3,42	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
35	Kênh Rạch Cái Bông	Vĩnh Long	10-20	5,5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
36	Kênh Mương Đào	Vĩnh Long	10-20	4,56	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
37	Kênh Xẻo Sâu	Vĩnh Long	10-20	2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
38	Kênh Giồng Trơn	Vĩnh Long	10-20	2,3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
39	Kênh Rạch Nò	Vĩnh Long	10-20	1,75	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
40	Kênh Rạch Trại	Vĩnh Long	10-20	2,85	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
41	Kênh Rạch Ruộng Muối	Vĩnh Long	10-20	2,79	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
42	Rạch Ba Trĩ	Vĩnh Long	10-20	6,8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
43	Kênh Long Định	Vĩnh Long	10-20	6,8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
44	Kênh Long Hòa	Vĩnh Long	10-20	10	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
45	Kênh Ông Bộ	Vĩnh Long	10-20	1,16	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
46	Kênh Châu Hưng - Thới Lai	Vĩnh Long	10-20	4,2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
47	Kênh Ông Hồ	Vĩnh Long	10-20	2,2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
48	Kênh Thới Lai - Việc Giữa	Vĩnh Long	10-20	4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
49	Kênh Cái Muồng	Vĩnh Long	10-20	2,2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
50	Kênh từ cầu Phú Vang đến kênh Cái Muồng	Vĩnh Long	10-20	2,9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
51	Kênh cống Ao Vuông	Vĩnh Long	10-20	1,05	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
52	Kênh Ông Địa - Bà Mụ	Vĩnh Long	10-20	2,25	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
53	Kênh Giồng Quới	Vĩnh Long	10-20	1,83	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
54	Kênh Cầu số 1	Vĩnh Long	10-20	3,22	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
55	Kênh Cầu số 2	Vĩnh Long	10-20	3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
56	Sông Vũng Luông	Vĩnh Long	20-30	6	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
II	Vùng Nam Bến Tre								
1	Kênh trục dẫn trực Vàm Xả - Cầu Mới - Cầu Sơn - Cái Hăng - Cà Chát - Sông Thom - kênh Phụ Nữ	Vĩnh Long	40	56	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
2	Kênh trục dẫn Vàm Cái Gà - Cái Môn - Vĩnh Hòa - Giồng Keo - Sông Mỏ Cày - An Bình - Đồng Khởi - Chín Thước - Cổ Rạng	Vĩnh Long	40	66	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
3	Rạch Tân Hương	Vĩnh Long	30	6,3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
4	Kênh Rạch Cà Bần	Vĩnh Long	10-20	2,9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
5	Kênh Cầu Tàu	Vĩnh Long	10-20	5,63	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
6	Kênh Văn Thanh Nhân	Vĩnh Long	10-20	4,3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
7	Kênh Xẻo Vườn	Vĩnh Long	10-20	3,62	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
8	Kênh Tám Dóc	Vĩnh Long	10-20	3,55	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
9	Kênh Chà Là	Vĩnh Long	10-20	3,4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
10	Kênh Bình Bát	Vĩnh Long	10-20	3,57	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
11	Kênh Tổng Cánh	Vĩnh Long	10-20	4,36	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
12	Kênh Rạch Cái Lức	Vĩnh Long	10-20	5,62	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
13	Kênh Rạch Cái Bần	Vĩnh Long	10-20	5,49	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
14	Kênh Rạch Cả Ráng Sâu	Vĩnh Long	20	7,2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
15	Rạch Khém Thuyền - Hồ Mang Đen	Vĩnh Long	30	12,4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
16	Rạch Khâu Băng - Con Ốc	Vĩnh Long	20	15,2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
17	Rạch Vàm Rỗng	Vĩnh Long	10-20	4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
18	Rạch Voi Đước	Vĩnh Long	10-20	6	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
III	Vùng Bắc Măng Thít								
1	Kênh Lấp Vò	Đồng Tháp	80	23	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x
2	Sông Sa Đéc	Đồng Tháp	100	27	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x
3	Kênh Dương Hòa - Long Thắng	Đồng Tháp	35	18	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x
4	Kênh Mương Khai	Đồng Tháp	35	20	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x
5	Kênh Xẻo Mát - Cái Vồn	Đồng Tháp, Vĩnh Long	40	16	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
6	Kênh Nha Môn - Tư Tài	Đồng Tháp, Vĩnh Long	40	33	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x
7	Kênh Cần Thơ - Huyện Hàm	Đồng Tháp, Vĩnh Long	38	23	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x
8	Kênh Xã Tàu - Sóc Tro	Đồng Tháp, Vĩnh Long	50	38	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x
9	Rạch Cái Tàu Thượng	Đồng Tháp, Vĩnh Long	30	12	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Bắc Măng Thít		x
10	Kênh Xáng	Vĩnh Long	30	14	Cấp nước	Ngọt	Bắc Măng Thít	x	
IV	Vùng giữa 2 sông Vàm Cỏ								
1	Sông Pro	Tây Ninh	36	12	Cấp nước	Ngọt	Bắc Thủ Thừa	x	
2	Kênh Bo Bo	Tây Ninh	26	24,8	Cấp nước	Ngọt	Bắc Thủ Thừa	x	
3	Kênh 61	Tây Ninh	15	36,2	Cấp nước	Ngọt	Bắc Thủ Thừa		x
4	Kênh Rạch Tràm - Mỹ Bình	Tây Ninh	20	32,7	Cấp nước	Ngọt	Bắc Thủ Thừa		x
5	Kênh Trà Cú Thượng - Trà Cú Hạ	Tây Ninh	20	28	Cấp nước	Ngọt	Bắc Thủ Thừa	x	
V	Hệ thống Bảo Định - Gò Công - Tân Trụ								
1	Kênh trục dẫn Bảo Định - Gò Cát - Hóc Lự - Rạch Tràm	Đồng Tháp	25	27	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định		x
2	Kênh Bà Lý 1	Đồng Tháp	25	11	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
3	Kênh Nhỏ (Đốc Phủ Chung)	Đồng Tháp	15	7	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
4	Kênh Miến Điện	Đồng Tháp	15	6	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
5	Kênh Ông Đăng	Đồng Tháp	15	6	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
6	Sông Bảo Định	Đồng Tháp	62	20	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định		x
7	Rạch Xoài Hột	Vĩnh Long	15	8	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
8	Kênh 20-7	Đồng Tháp	11	8	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
9	Kênh Ông Văn	Đồng Tháp	15	6	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
10	Kênh Ông Đạo	Đồng Tháp	15	12	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
11	Kênh Hóc Dùn - Bà Ngọt	Đồng Tháp	15	8	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
12	Sông Bến Chùa - Kênh Chợ Bưng	Đồng Tháp	15	17	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
13	Kênh Sáu Âu	Đồng Tháp	23	12	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bảo Định	x	
14	Rạch Thôn Thành	Tây Ninh	30	8	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Nhật Tảo - Tân Trụ	x	
15	Kênh Vàm Giồng	Đồng Tháp	20	16	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Gò Công	x	
16	Kênh Tổng Châu - Hội Đồng Huyện	Đồng Tháp	30	15	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Gò Công	x	
17	Kênh Trần Văn Đông	Đồng Tháp	12	10	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Gò Công	x	
18	Kênh Tham Thu	Đồng Tháp	16	19	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Gò Công	x	
19	Kênh Bào Châu - Xã Sách	Đồng Tháp	20	8	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Gò Công	x	
20	Kênh Xóm Giồng	Đồng Tháp	16	13	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Gò Công	x	
21	Kênh 3	Đồng Tháp	11	14	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Gò Công	x	
VI	Vùng An Minh - An Biên								
1	Kênh Chông Mỹ	An Giang	36	55	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
2	Kênh Rọ Ghe	An Giang	20	11	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
3	Rạch Xẻo Ngát	An Giang	15	13	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
4	Rạch Xẻo Nhàu	An Giang	40	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
5	Rạch Thứ 9	An Giang	30	13	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
6	Rạch Thứ 8	An Giang	25	14	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
7	Rạch Xẻo Bần	An Giang	15	15	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
8	Kênh Làng Thứ 7	An Giang	35	40	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé		x
9	Kênh Xẻo Quao	An Giang	30	13	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
10	Rạch Thứ 7	An Giang	20	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
11	Rạch Thứ 4	An Giang	20	11	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
12	Rạch Thứ 5	An Giang	15	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
13	Rạch Thứ 3	An Giang	20	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
14	Rạch Thứ 2	An Giang	20	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
15	Rạch Thứ Nhất	An Giang	20	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
16	Kênh Hăng	An Giang	17	13	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
17	Kênh Mười Quang	An Giang	20	11	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
18	Kênh Phán Linh	An Giang	20	10	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
19	Kênh Ba Đình	An Giang	20	16	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
20	Kênh Kiểm Lâm	An Giang	20	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
21	Kênh Xẻo Cạn	An Giang	30	10	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
22	Kênh Chủ Vàng	An Giang	25	10	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
23	Rạch Xẻo Lá	An Giang	18	13	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
24	Rạch Mương Đào	An Giang	15	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
25	Kênh Mười Thân	An Giang	17	11	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
26	Rạch Thứ 10	An Giang	30	9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
27	Rạch Thứ 6	An Giang	32	16	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
28	Rạch Xẻo Vệt	An Giang	30	4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
29	Kênh 8000	An Giang	20	14	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
30	Kênh Cà Nhẹ	An Giang	20	8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
31	Kênh Ranh Hạc	An Giang	26	38	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé		x
32	Kênh KT1	An Giang	20	24	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
33	Kênh 4	An Giang	25	9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
VII	Hệ thống kênh KH								
1	Kênh KH1	An Giang - Cần Thơ	30	46	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn	x	
2	Kênh KH5	An Giang - Cần Thơ	30	48	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn	x	
3	Kênh KH6	An Giang - Cần Thơ	35	58	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn	x	
4	Kênh KH7	An Giang - Cần Thơ	30	38	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn	x	
5	Kênh KH8	An Giang - Cần Thơ	30	30	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Ô Môn - Xà No	x	
6	Kênh KH9	An Giang - Cần Thơ	33	39	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Ô Môn - Xà No		x
7	Kênh Thốt Nốt	An Giang - Cần Thơ	43	17	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn	x	
VIII	Hệ thống kênh thoát lũ vùng Đồng Tháp Mười								
1	Kênh Hồng Ngự	Đồng Tháp - Tây Ninh	60	44	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		
2	Kênh An Bình	Đồng Tháp - Tây Ninh	50	32	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
3	Kênh Phước Xuyên	Đồng Tháp - Tây Ninh	50	48	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
4	Kênh Đồng Tiến - Lagrange	Đồng Tháp - Tây Ninh	50	90	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
5	Kênh An Phong - Mỹ Hòa	Đồng Tháp - Tây Ninh	24	103	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
6	Kênh Tân Công Chí	Đồng Tháp	45	26	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
7	Kênh Hưng Điền	Tây Ninh	17	21	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
8	Kênh 79	Tây Ninh	30	72	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
9	Kênh 28	Đồng Tháp	24	25	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
10	Kênh Bình Thành 4	Đồng Tháp	30	16	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
11	Kênh Kháng Chiến	Đồng Tháp	35	41	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
12	Kênh Thống Nhất	Đồng Tháp	24	30	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
13	Kênh 2/9 - Đốc Vàng Thượng	Đồng Tháp	35	39	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
14	Kênh Ranh Đường Gạo - Đốc Vàng Hạ	Đồng Tháp	40	18	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
15	Kênh Sông Trăng	Tây Ninh	25	18	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
16	Kênh 7 Thước - 30/4	Tây Ninh	25	14,4	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
17	Kênh 5000 - Bắc Đông	Tây Ninh	25	16,1	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
18	Kênh 12	Tây Ninh, Đồng Tháp	25-40	26,6	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
19	Kênh Nguyễn Văn Tiếp	Đồng Tháp	63	91	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
20	Kênh Nguyễn Tấn Thành	Đồng Tháp	56	20	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
21	Kênh Thuộc Nhiêu - Cầu Sao	Đồng Tháp	16	15	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
22	Kênh Mù U	Đồng Tháp	12	16	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
23	Kênh Ba Rài - Kênh 12	Đồng Tháp	40	27	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
24	Kênh 307	Đồng Tháp	40	23	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
25	Kênh Cái Bèo	Đồng Tháp	40	18	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
26	Kênh Hai Mươi Tám	Đồng Tháp	50	31	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
27	Kênh Mối Vôi - Kênh 8	Đồng Tháp	16	18	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
28	Kênh Bằng Lăng	Đồng Tháp	30	18	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
29	Kênh Năm	Đồng Tháp	35	25	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
30	Kênh Cản Lố	Đồng Tháp	45	8	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
31	Rạch Cái Thià - Kênh Năm	Đồng Tháp	40	18	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
32	Rạch Trà Lót - Kênh 7	Đồng Tháp	40	21	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
33	Kênh Chợ Bung	Đồng Tháp	40	16	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
34	Kênh Đường Thét	Đồng Tháp	45	15	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
35	Kênh Nguyễn Văn Tiếp B	Đồng Tháp	60	25	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
36	Kênh 9	Đồng Tháp	16	8	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
37	Kênh Thanh Niên	Đồng Tháp	25	26	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
38	Kênh Sông Lu - Băng Dây	Đồng Tháp	45	22	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
39	Sông Cái Cỏ	Đồng Tháp, Tây Ninh	27	33,2	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
40	Kênh Long Khốt	Tây Ninh	58	27	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
41	Kênh Tân Thành - Lò Gạch	Đồng Tháp, Tây Ninh	25	49	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
IX	Đông Vàm Cỏ Đông								
1	Kênh Rạch Chanh - Trị Yên	Tây Ninh	18	27	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Đông Vàm Cỏ Đông	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
2	Rạch Đồi Ma - Xóm Bò	Tây Ninh	40	13	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Đông Vàm Cỏ Đông	x	
3	Kênh Đào Thạch Bích	Tây Ninh	20	12,8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Đông Vàm Cỏ Đông	x	
X	Long Phú - Tiếp Nhật								
1	Kênh Bà Xẩm - Gòi	Cần Thơ	20	37	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Long Phú -Tiếp Nhật	x	
2	Kênh Tiếp Nhật	Cần Thơ	31	27	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Long Phú -Tiếp Nhật	x	
3	Kênh Hưng Thạnh - Tổng Cánh	Cần Thơ	18	32	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Long Phú -Tiếp Nhật	x	
4	Kênh Băng Long	Cần Thơ	20	28	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Long Phú -Tiếp Nhật	x	
5	Kênh 96 - Long Hưng	Cần Thơ	15	4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Long Phú -Tiếp Nhật	x	
6	Kênh 22/5	Cần Thơ	12	6	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Long Phú -Tiếp Nhật	x	
7	Kênh Sóc Ven	Cần Thơ	12	5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Long Phú -Tiếp Nhật	x	
8	Kênh đê sông Mỹ Thanh	Cần Thơ	12	20	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Long Phú -Tiếp Nhật	x	
XI	Nam Măng Thít								
1	Sông Cái Cá - Mây Túc	Vĩnh Long	33	24	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
2	Kênh Trà Ngoa	Vĩnh Long	30	25	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
3	Kênh La Ghi - Trà Côn	Vĩnh Long	15	18	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
4	Rạch Bung Trường	Vĩnh Long	59	8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
5	Kênh 3/2	Vĩnh Long	15	24	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
6	Kênh Thống Nhất	Vĩnh Long	24	18	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
XII	Nam Xà No								
1	Kênh Mái Dầm - Nàng Mau	Cần Thơ	43	55	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
2	Kênh Hậu Giang 3	Cần Thơ	25	44	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No		
3	Sông Cái Côn	Cần Thơ	99	26	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
4	Kênh 13.000 - Long Điền - Xẻo Trâm - Xẻo Su	Cần Thơ	20	27	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
5	Kênh Ba Liên - Nước Đục - Cái Đĩa - Trà Ban	Cần Thơ	35	30	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
6	Kênh Lái Hiếu	Cần Thơ	35	24	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
7	Kênh Một Ngàn	Cần Thơ	35	15	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
8	Kênh 8000	Cần Thơ	28	39	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
9	Kênh Long Mỹ 1	Cần Thơ	34	23	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
10	Sông Nước Đục	Cần Thơ	30	60	Cấp nước, tiêu	Ngọt	Nam Xà No	x	
XIII	Quản Lộ - Phụng Hiệp								
	Tiểu vùng Kế Sách								
1	Rạch Mương Điều	Cần Thơ	30	8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
2	Sông Rạch Vọp	Cần Thơ	45	15	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
3	Kênh Mương Khai	Cần Thơ	30	5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
4	Kênh Kế Sách	Cần Thơ	35	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
5	Kênh số 1	Cần Thơ	30	19	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
6	Kênh 30/4	Cần Thơ	30	22	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
7	Rạch Phụng An	Cần Thơ	25	7,3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
8	Kênh Cái Trúc	Cần Thơ	20	5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
9	Kênh Ba Rinh - Mang Cá	Cần Thơ	20	5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
10	Kênh Saintard (Đoạn từ Vàm Đại Ngãi - Dù Tho)	Cần Thơ	40	15	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
11	Kênh Maspero	Cần Thơ	40	33	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
12	Kênh 19/5	Cần Thơ	15	2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
	Tiểu vùng Ba Rinh								
13	Kênh Tam Sóc - Bồ Thào	Cần Thơ	30	19	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
14	Kênh Tà Liêm - Bung Cốc	Cần Thơ	22	17	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
15	Kênh Tân Phước - An Tập	Cần Thơ	22	23	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
16	Kênh Ba Rinh Cũ	Cần Thơ	15	17	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
17	Kênh Ba Rinh Mới	Cần Thơ	25	27	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
18	Kênh Sóc Trăng - Phụng Hiệp	Cần Thơ	22,5	9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
19	Kênh Ô Quên	Cần Thơ	15	2,9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
20	Kênh Xẻo Gừa	Cần Thơ	20	5,5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
21	Kênh Gòn	Cần Thơ	15	2	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
	Tiểu vùng Mỹ Xuyên								
22	Kênh Thạch Mỹ	Cần Thơ	40	26	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
23	Rạch Chàng Ré	Cần Thơ	20	25	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
24	Sông Định	Cần Thơ	40	9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
	Tiểu vùng ngọt Cần Thơ - Cà Mau								
25	Kênh Quản Lộ - Nhu Gia	Cần Thơ	70	17	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
26	Kênh Ngã Năm - Phú Lộc	Cần Thơ	40	25	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
27	Kênh Nàng Rền	Cần Thơ	40	27	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
28	Kênh Ngan Dừa - Cầu Sập	Cà Mau	33	27	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
29	Kênh Hòa Bình	Cà Mau	33	25	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
30	Kênh Phước Long - Vĩnh Mỹ	Cà Mau	38	23	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
31	Kênh Vĩnh Phong	Cà Mau	36	21	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
32	Kênh Xẻo Chích	Cần Thơ, Cà Mau	35	46	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
33	Kênh Thầy Cai Nhâm	Cần Thơ	15	15	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
34	Kênh Cá Bè - Thầy Cai	Cần Thơ, Cà Mau	30	15	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
35	Kênh 26/3 - Nhà Thờ	Cần Thơ, Cà Mau	20	17	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
	Tiểu vùng chuyển đổi tôm - lúa								
36	Kênh Ninh Thạnh Lợi	Cà Mau	40	16	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
37	Kênh Canh Điền - Phó Sinh	Cà Mau	46	21	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
38	Kênh Phong Thạnh Tây	Cà Mau	53	12	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
39	Kênh Canh Điền - Hộ Phòng	Cà Mau	91	14	Cấp nước, tiêu	Mặn	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
40	Kênh Quản Lộ - Giá Rai	Cà Mau	59	17	Cấp nước, tiêu	Mặn	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
41	Kênh Láng Trâm	Cà Mau	35	29	Cấp nước, tiêu	Mặn	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
42	Kênh Ngan Dừa	Cà Mau	52	16	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
43	Kênh Vĩnh Lộc	Cà Mau	41	20	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
44	Kênh Cộng Hòa	Cà Mau	36	21	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp		x
XIV	Vùng Tứ Giác Long Xuyên								
	Cụm công trình thoát lũ vùng Tứ Giác Long Xuyên								
1	Kênh Tròn	An Giang	48	59	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
2	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	An Giang	70	66	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
3	Kênh Chắc Năng Gù	An Giang	35	59	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
4	Kênh Mười Châu Phú	An Giang	40	57	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
5	Kênh Trà Sư - Tri Tôn	An Giang	63	57	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
6	Kênh Cần Thảo	An Giang	37	21	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
7	Kênh Cầu Sỏi 2	An Giang	35	16	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
8	Kênh T4	An Giang	36	27	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
9	Kênh T3	An Giang	36	27	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
10	Kênh T5	An Giang	41	29	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
11	Kênh T6	An Giang	38	31	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
12	Kênh Nông Trường	An Giang	27	25	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
13	Kênh Hà Giang	An Giang	43	23	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên		x
14	Kênh Vĩnh Tế	An Giang	60	67	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
15	Kênh Tri Tôn - Xáng Vĩnh Tre	An Giang	60	27	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
16	Kênh Cái Sắn	An Giang	65	60	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn		x
17	Kênh Ranh	An Giang	30	55	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn		x
18	Kênh Tám Ngàn	An Giang	50	36	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn		x
19	Kênh Tha La	An Giang	50	29	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn		x
	Cụm kênh ven biển Tây								
20	Kênh Rạch Giá - Hà Tiên	An Giang	50	90	Cấp nước, tiêu thoát lũ	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
21	Kênh Ba Hòn	An Giang	42	8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
22	Kênh Lung Lớn	An Giang	45	8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
23	Kênh Lung Lớn 2	An Giang	55	15	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
24	Kênh 8 Thước	An Giang	20	11	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
25	Kênh Bình Giang 1	An Giang	48	7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
26	Kênh Bình Giang 2	An Giang	43	7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ giác Long Xuyên	x	
27	Kênh Vàm Rầy	An Giang	37	6	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
28	Kênh 286	An Giang	21	7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
29	Kênh 285	An Giang	23	7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ giác Long Xuyên	x	
30	Kênh 283	An Giang	30	8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
31	Kênh Luỹnh Quỳnh	An Giang	35	9	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
32	Kênh Số 9	An Giang	45	11	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
33	Kênh Vàm Răng	An Giang	53	6	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
34	Kênh Tà Lúa	An Giang	40	4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
35	Kênh Tà Hem	An Giang	25	4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
36	Kênh Tà Manh	An Giang	28	4	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
37	Kênh Số 3	An Giang	33	3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
38	Kênh Thần Nông	An Giang	34	3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
39	Kênh Số 2	An Giang	31	3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
40	Kênh Số 1	An Giang	14	3	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
41	Kênh Hòn Sóc	An Giang	10	5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
42	Kênh 6	An Giang	38	7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
43	Kênh 5	An Giang	17	7	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
44	Kênh Cái Tre	An Giang	50	8	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
	Kênh cấp nước nội đồng								
45	Kênh đê bao Đông Hòa	An Giang	15	9	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
XV	Hệ thống kênh Cần Thơ - An Giang - Cà Mau								
1	Kênh Chắc Băng	An Giang, Cà Mau	50	16	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	x

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
2	Kênh Biện Nhị	Cà Mau	40	17,5	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	U Minh Hạ	x	
3	Kênh T29	Cà Mau	20	22	Cấp nước, tiêu	Ngọt - Lợ	U Minh Hạ	x	
4	Rạch Cái Su - Cây Dương	Cà Mau	25-35	11,7	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
5	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau	Cà Mau	40-50	20,5	Cấp nước, tiêu	Mặn	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	x
6	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cần Thơ, Cà Mau	50-70	14,2	Cấp nước, tiêu	Mặn	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
7	Kênh Thị Kẹo	Cà Mau	70 ÷ 90	5,13	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
8	Kênh Minh Hà	Cà Mau	25 ÷ 50	30	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
9	Sông Cái Đôi Vàm - Đường Cây - Ba Tiệm	Cà Mau	50-55	23,2	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
10	Kênh Thọ Mai	Cà Mau	65-70	10,35	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
11	Sông Mang Gổ - Ông Xe - Cái Bát - Cái Tính	Cà Mau	60-65	16,75	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
12	Sông Quản Phú	Cà Mau	45-50	14	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
13	Sông Đồng Cù	Cà Mau	45-50	16	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
14	Sông Mỹ Bình	Cà Mau	40-45	24	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
15	Sông Giáp Nước	Cà Mau	45-50	12	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
16	Kênh Sư Thông - Vàm Đình	Cà Mau	40	9,2	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
17	Sông Rau Dừa - Thị Tường	Cà Mau	50	8,5	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
18	Kênh Lộ Xe Cái Rắn - Đàm Cù	Cà Mau	60	36	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
19	Kênh Đông Hưng	Cà Mau	30	19	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
20	Sông Tân Anh - Rạch Mũi - Lương Thế Trân	Cà Mau	30	16,5	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
21	Sông Bào Vững - Rau Dừa	Cà Mau	30	17,5	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
22	Sông Cái Bát - Bọng Két	Cà Mau	50	25	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
23	Mương Trung Kiết - Ngã 3 Cây Tàng	Cà Mau	70 - 80	26	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
24	Kênh 6 Đông	Cà Mau	40 - 50	21	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
25	Sông Đầm Chim	Cà Mau	100 - 150	16	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
26	Sông Trảng Tràm	Cà Mau	100 - 160	17	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
27	Kênh Bào Sen - Đường Đào	Cà Mau	40 - 45	15	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
28	Sông Khâu Súc	Cà Mau	50	8	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
29	Rạch Đường Kéo	Cà Mau	120	26	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
30	Kênh Cái Nai (Kênh Tắc Năm Căn)	Cà Mau	90	9,5	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
31	Rạch Trại Lưới - Đầu Trà	Cà Mau	100	13	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
32	Kênh Cái Ngay - Cái Nháp	Cà Mau	130	9,95	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
33	Kênh Ba – Ông Đơn	Cà Mau	36	20	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	
34	Sông Bến Dừa	Cà Mau	90	20	Cấp nước, tiêu	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
XVI	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau								
1	Kênh Tắc Vân	Cà Mau	110	9	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
2	Kênh Chùa Phật	Cà Mau	23	13	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
3	Kênh Cái Hưu - Hoành Tầu	Cà Mau	14	14	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
4	Kênh Cái Cùng	Cà Mau	31	14	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
5	Kênh Huyện Kệ	Cà Mau	17	17	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
6	Rạch Cóc - Cây Bông - Hốc Ráng	Cà Mau	88	21	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau		x
7	Kênh Cái Keo	Cà Mau	25	14	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
8	Kênh Giồng Me	Cà Mau	13	10	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
9	Rạch Cần Thăng	Cà Mau	20	7	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
10	Kênh Tư	Cà Mau	20	16	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
11	Kênh Số 9	Cà Mau	15	7	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
12	Kênh Cặp Lộ Nam sông Hậu	Cần Thơ	20	17	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
13	Kênh Giấy Lãng - Bung Tum	Cần Thơ	18	10	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
14	Kênh KN4	Cần Thơ	15	6	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
15	Kênh 300	Cần Thơ	15	5	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
16	Kênh Tà Niên (từ Mỹ Thanh đến Lai Hòa)	Cần Thơ	20	20	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
17	Sông Vĩnh Châu	Cần Thơ	20	10	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	

STT	Tên kênh	Địa điểm	Quy mô		Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
			Bề rộng (m)	Chiều dài (km)					
18	Kênh Bảy Túc	Cần Thơ	15	5	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ- Cà Mau	x	
19	Kênh Tân Quy	Cần Thơ	15	7	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ- Cà Mau	x	
20	Rạch Giồng Chùa	Cần Thơ	15	6	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ- Cà Mau	x	
21	Nạo vét thượng và hạ lưu các cống ven biển	Cần Thơ	15	5	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ- Cà Mau	x	
22	Kênh 700	Cần Thơ	14	10	Cấp nước, tiêu	Mặn	Ven biển Cần Thơ- Cà Mau	x	

Ghi chú: Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

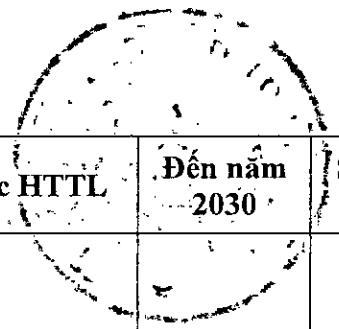


Phụ lục III

DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP CÔNG TRÌNH TRỮ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
I	Công trình nâng cấp, sửa chữa							
1	Hồ Ô Thum	An Giang	270.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
2	Hồ Soài Chék	An Giang	100.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
3	Hồ Ô Tà Sóc	An Giang	620.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
4	Hồ Thanh Long	An Giang	260.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
5	Hồ Thủy Liêm 1	An Giang	270.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
6	Hồ Vĩnh Thông	An Giang	490.000	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt - Lợ	Tứ Giác Long Xuyên	x	
7	Hồ Soài So	An Giang	270.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
8	Hồ Ô Tuk Sa	An Giang	600.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
II	Công trình xây dựng mới							
1	Hệ thống công trình trữ ngọt cho vùng khô hạn (Dự án xây dựng hệ thống công trình trữ ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiểu vùng Tứ Giác Long Xuyên)	An Giang	32.500.000	Điều tiết lũ; cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên		x
2	Công trình trữ nước rạch Cỏ Ráng Sâu	Vĩnh Long	800.000	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
3	Công trình trữ nước sông Cái Cấm	Vĩnh Long	8.000.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
4	Cải tạo sông Ba Lai thành công trình trữ nước Ba Lai	Vĩnh Long	80.000.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
5	Công trình trữ nước kênh Cái Cá	Vĩnh Long		Cấp nước sinh hoạt	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
6	Công trình trữ nước Láng Thè	Vĩnh Long	10.000.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
7	Công trình trữ nước Đôn Châu	Vĩnh Long	5.200.000	Cấp nước sinh hoạt, công nghiệp	Mặn	Nam Măng Thít		x
8	Công trình trữ nước Hưng Điền	Tây Ninh	7.500.000	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
9	Công trình trữ nước Bàu Biền	Tây Ninh	7.200.000	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
10	Công trình trữ nước Bình Hiệp	Tây Ninh	7.000.000	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
11	Công trình trữ nước Thạnh An	Tây Ninh	10.000.000	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt	Bắc Thủ Thừa	x	
12	Công trình trữ nước sông Cửa Trung	Đồng Tháp	21.000.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt Lợ	Gò Công		x
13	Công trình trữ nước Hồng Ngự	Đồng Tháp	700.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Đồng Tháp Mười		x
14	Công trình trữ nước Tam Nông	Đồng Tháp	10.000.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
15	Công trình trữ nước Cao Lãnh	Đồng Tháp	1.200.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
16	Công trình trữ nước U Minh Thượng	An Giang	1.700.000	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
17	Công trình trữ nước Vĩnh Phước A	An Giang	400.000	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
18	Cụm các công trình trữ nước Rạch Giá, Hòn Đất, Giang Thành	An Giang	Diện tích mỗi công trình khoảng 200 ha. Dung tích mỗi hồ chứa khoảng 2 triệu m ³	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
19	Công trình trữ nước vùng Cái Lớn - Cái Bé	An Giang	Diện tích mỗi công trình khoảng 50 ha. Dung tích mỗi hồ chứa khoảng 500 ngàn m ³	Cấp nước sinh hoạt	Ngọt	Cái Lớn - Cái Bé	x	
20	Công trình trữ nước Lâm trường Phú Lợi	Cần Thơ		Cấp nước sinh hoạt	Ngọt - Lợ	Quản Lộ Phụng Hiệp		x
21	Công trình trữ nước Lâm trường Thạnh Trị	Cần Thơ		Cấp nước sinh hoạt	Ngọt - Lợ	Quản Lộ Phụng Hiệp		x
22	Công trình trữ nước Phong Nẫm	Cần Thơ		Cấp nước sinh hoạt	Ngọt - Lợ	Cù lao		x
23	Công trình trữ nước Cù Lao Dung	Cần Thơ	2.000.000	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp	Mặn	Cù lao	x	

Ghi chú: Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.



Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ KIẾN XÂY MỚI, NÂNG CẤP TRẠM BƠM

Quyết định số 2307/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Hình thức đầu tư	Công suất (m ³ /h)	Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
1	Nâng cấp, mở rộng 8 trạm bơm vùng Bảy Núi	An Giang	Nâng cấp	1.000	Cấp nước	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
2	Trạm bơm vùng Bảy Núi (7 trạm)	An Giang	Xây mới	1.000	Cấp nước	Ngọt	Tứ Giác Long Xuyên	x	
3	Trạm bơm Cái Hóp	Vĩnh Long	Xây mới	36.000	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
4	Trạm bơm Láng Thè	Vĩnh Long	Xây mới	36.000	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
5	Trạm bơm Cần Chông	Vĩnh Long	Xây mới	36.000	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
6	Hệ thống trạm bơm vừa và nhỏ Nam Măng Thít (19 trạm)	Vĩnh Long	Xây mới	700 - 1.400	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
7	Hệ thống trạm bơm vừa và nhỏ Bắc Bến Tre (8 trạm)	Vĩnh Long	Xây mới	200-1.000	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Bắc Bến Tre	x	
8	Trạm bơm Hòa Nghĩa	Vĩnh Long	Xây mới	72.000	Cấp nước	Ngọt	Nam Bến Tre	x	
9	Trạm bơm kênh Phụ Nữ	Vĩnh Long	Xây mới	10.800	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
10	Trạm bơm kênh Chín Thước	Vĩnh Long	Xây mới	10.800	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Nam Bến Tre	x	
11	Trạm bơm (87 trạm)	Cà Mau	Xây mới	709.885	Tiêu nước	Ngọt - Lợ	U Minh Hạ, Nam Cà Mau	x	x

STT	Tên công trình	Địa điểm	Hình thức đầu tư	Công suất (m ³ /h)	Nhiệm vụ	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
12	Trạm bơm thuộc vùng đệm vườn Quốc gia U Minh Thượng: Kênh 3, Kênh 3B, Kênh 18, Tàu Lũy, Kênh 12, Kênh 9, Kênh 16, Kênh Lò Gạch	An Giang	Xây mới	2.500	Bơm trữ nước ngọt sử dụng vào mùa khô và bơm tiêu nước chống ngập vào mùa mưa	Ngọt - Lợ	Cái Lớn - Cái Bé	x	
13	Trạm bơm Lộc Giang A	Tây Ninh	Xây mới	10.000	Cấp nước	Ngọt	Đông Vàm Cỏ Đông	x	
14	Trạm bơm Lộc Giang B	Tây Ninh	Xây mới	10.000	Cấp nước	Ngọt	Đông Vàm Cỏ Đông	x	
15	Trạm bơm Cầu Sập	Cà Mau	Xây mới	36.000	Cấp nước	Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	

Ghi chú: Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.



Phụ lục V
DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH CHỐNG NGẬP CÁC ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Phụ lục V.1
DANH MỤC CÔNG

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
1	Cống Cản Xây	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
2	Cống Mương Trâu	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
3	Cống Xẻo Xao 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
4	Cống Xẻo Xao 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
5	Cống Thông Lưu 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
6	Cống Thông Lưu 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
7	Cống Thầy Giáo	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
8	Cống Bà Bần	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
9	Cống Mương Khai Nhỏ	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
10	Cống Cái Sơn 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
11	Cống Cái Sơn 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	



STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
12	Cổng Ông Mạnh	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
13	Cổng Hội Đồng 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
14	Cổng Hội Đồng 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
15	Cổng Đình Tú	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
16	Cổng Nhánh Ngã Cái	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
17	Cổng Sáu Bửu 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
18	Cổng Sáu Bửu 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
19	Cổng Cái Dung 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
20	Cổng Cái Dung 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
21	Cổng Chuối Nước	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
22	Cổng Cái Sắn Sâu	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
23	Cổng Cái Dung 3	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
24	Cổng Cái Dung 4	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
25	Cổng Mương Thơm 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
26	Cổng Kênh Ranh 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
27	Cổng Kênh Ranh 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
28	Cổng Mương Thom 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	Xây mới	1	3	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
29	Cổng Tiệm Tương	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
30	Cổng Cầu Bàn	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
31	Cổng Nhà Việt	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
32	Cổng Cá Trê	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
33	Cổng Vàm Xếp	Vĩnh Long	Bắc Mang Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
34	Cổng Ông Tôm	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
35	Cổng Bảo Trọng	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
36	Cổng Cầu Chùa	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	8	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
37	Cổng Ngã Cạy	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
38	Cổng Đường Chùa	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
39	Cổng Tân Hữu	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
40	Cổng Bình Lữ	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	8	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
41	Cổng Cầu Lộ	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
42	Cổng Kênh Mới	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
43	Cổng Rạch Ranh	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
44	Cổng Cầu Lầu	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
45	Cổng Huyền Báo	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
46	Cổng Nhà Dài	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
47	Cổng Tân Thạnh	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
48	Cổng Ngọn Cầu	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
49	Cổng Long Hưng	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
50	Cổng Khóm B	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
51	Cổng Long Khánh	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
52	Cổng Xáng Cụt	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
53	Cổng 26/3	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
54	Cổng Rạch Đạo Ngạn	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
55	Cổng Bến Chùa 1	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	2	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
56	Cổng Bến Chùa 2	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
57	Cổng Bến Chùa 3	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	2	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
58	Cổng Bộ Bi 1	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	2	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
59	Cổng Bộ Bi 2	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	2	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
60	Cổng Cầu Rượu 2	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	10	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
61	Cổng Mỹ Phong	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
62	Cổng Lộ Ngang	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
63	Cổng Lộ Đất	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	2	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
64	Cổng Bình Phong	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	2	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
65	Cổng Kênh Nổi	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
66	Cổng Tiếp Phước	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
67	Cổng Cây Kèo	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	2	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
68	Cổng Hóc Đùng	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
69	Cổng Gò Cát 2	Đồng Tháp	Bảo Định	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
70	Cổng Chông Chác	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
71	Cổng 2/9	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
72	Cổng Thủy Lợi	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
73	Cổng Sóc Dồ	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
74	Cổng Tam Sóc	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
75	Cổng Tám Thước	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
76	Cổng Phú Thuận	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
77	Cổng Rạch Chanh	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
78	Cổng Cái Chôm	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
79	Cổng Săng Trảng Lớn	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
80	Cổng Sân Bay	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
81	Cổng Cái Sơn	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	30	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
82	Cổng Rau Răm	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
83	Cổng Trường Tiền	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
84	Cổng Rạch Kè	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	3	-1,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
85	Cổng Rạch Chuối	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	3	-1,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
86	Cổng Trà Niên	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
87	Cổng N4	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	3	-1,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
88	Cổng N3	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
89	Cổng Xẻo Cui	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	3	-1,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
90	Cổng Ba Se	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	3	-1,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
91	Cổng Giáo Dân	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
92	Cổng Rạch Chùa	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	3	-1,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
93	Cổng Bà Sứ	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước		x
94	Cổng + Âu thuyền + Trạm bơm Bình Thủy	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới		70	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
95	Cổng Gáo Đoi	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	6	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
96	Cổng Rạch Miếu Trắng	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	6	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
97	Cổng Kênh Thủy	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	6	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
98	Cổng Bà Kè	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	6	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
99	Cổng Mương Lộ	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	6	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
100	Cổng Ông Tường	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	6	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
101	Cổng + Trạm bơm Rạch Cam	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	60	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
102	Cổng + Trạm bơm Rạch Chùa	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	12	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
103	Cổng + Trạm bơm Bình Thủy	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	40	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
104	Cổng Bà Lý	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	6	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
105	Cổng Mương Khai	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	6	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
106	Các cổng nhỏ có khẩu độ từ 3 đến 5 m (8 cổng)	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	8	3-5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
107	Cổng Cái Răng	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	30	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
108	Cổng Cái Nai	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	20	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
109	Cổng Cái Da	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	20	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
110	Cổng Vong	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
111	Cổng 26/3	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	5	-2	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
112	Cổng Bà Trại	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	30	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
113	Cổng Cái Sâu	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	30	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
114	Cổng Bùng Binh	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	30	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
115	Cổng Bến Bạ	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	30	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
116	Cổng Bến Bạ 2	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	30	-3	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
117	Cổng Ông Cù Lớn	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	15	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
118	Cổng Xẻo Da	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
119	Cổng Mù U	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
120	Cổng Ngã Bát	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
121	Cổng Xẻo Lá	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
122	Cổng Đường Gõ	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
123	Cổng Ấp Mỹ	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	Xây mới	1	10	-2,5	Ngăn lũ/triều, tiêu thoát nước	x	
124	Cổng Tám Thước	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	8	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
125	Cổng VP 10	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	8	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
126	Cổng Trà Kha 2	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	8	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
127	Cổng Trà Uôn	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	8	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
128	Cổng Bảy Hòa	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
129	Cổng Kênh Mầu	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
130	Cổng Mười Biển	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
131	Cổng Hồ Vân Thủy	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
132	Cổng Rạch Bà Beo 1	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
133	Cầu Cổng Rạch Bà Beo 2	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
134	Cổng Thống Nhất 1	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	7,5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
135	Cầu Cổng Thống Nhất 2	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	7,5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
136	Cổng Kênh Mới 1	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
137	Cổng Kênh Mới 2	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
138	Cổng Sông Cũ	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
139	Cổng Bà Điều	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
140	Cổng Chòi Ngói	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
141	Cổng Trà Kha	Cà Mau	Nam Cà Mau	Nâng cấp	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
142	Cổng Cầu Xáng	Cà Mau	Nam Cà Mau	Nâng cấp	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
143	Cổng Ông Bốn	Cà Mau	Nam Cà Mau	Nâng cấp	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
144	Cổng Rạch Thẳng	Cà Mau	Nam Cà Mau	Nâng cấp	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
145	Cổng Om Trà No	Cà Mau	Nam Cà Mau	Nâng cấp	1	5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
146	Cổng Ông Muộn	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	7,5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Hình thức đầu tư	Số lượng	Quy mô		Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
						B (m)	Z (m)			
147	Cống Bà Cai Di	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	7,5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
148	Cống HDH1	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
149	Cống HDH2	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	3	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
150	Cống Rạch Bần 1	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	7,5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	
151	Cống Rạch Bần 2	Cà Mau	Nam Cà Mau	Xây mới	1	7,5	-2,5	Ngăn triều, tiêu thoát nước	x	

Ghi chú: Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

Phụ lục V.2
DANH MỤC KÊNH NẠO VẾT

STT	Kênh nạo vét	Địa điểm	Thuộc HTTL	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
1	Kênh Ô Xây 5	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	2	12	Tiêu thoát nước	x	
2	Kênh Tầm Phương 1	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	1	4	Tiêu thoát nước	x	
3	Kênh Tầm Phương 5	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	1	7	Tiêu thoát nước	x	
4	Kênh Ô Xây	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	1	15	Tiêu thoát nước	x	
5	Kênh Ô Xây 3	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	1	12	Tiêu thoát nước	x	
6	Kênh Ô Xây 4	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	0,6	3	Tiêu thoát nước	x	
7	Kênh Ô Xây 7	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	2	12	Tiêu thoát nước	x	
8	Kênh Cặp Giồng	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	8	6	Tiêu thoát nước	x	
9	Kênh Tầm Phương	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	7	20	Tiêu thoát nước	x	
10	Kênh Tầm Phương 2	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	2	4	Tiêu thoát nước	x	
11	Kênh Tầm Phương 3	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	1	2	Tiêu thoát nước	x	
12	Kênh Tầm Phương 4	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	1	7	Tiêu thoát nước	x	
13	Kênh Tầm Phương 6	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	1	7	Tiêu thoát nước	x	
14	Kênh Hòa Lạc	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	7	10	Tiêu thoát nước	x	
15	Kênh Ô Chích	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	6	8	Tiêu thoát nước	x	
16	Kênh Ông Tinh	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	3	5	Tiêu thoát nước	x	
17	Kênh Ô Chích 1	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	0,3	8	Tiêu thoát nước	x	
18	Kênh Ô Chích 2	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	3	5	Tiêu thoát nước	x	
19	Kênh Bình La	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	1	6	Tiêu thoát nước	x	
20	Kênh Bình La 2	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	3	5	Tiêu thoát nước	x	
21	Kênh Sà Lôn	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	3	4	Tiêu thoát nước	x	
22	Kênh Tư Hạnh	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	2	4	Tiêu thoát nước	x	
23	Kênh Xâm Bua	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	6	4	Tiêu thoát nước	x	
24	Kênh Triền 2	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	7	4	Tiêu thoát nước	x	
25	Kênh N34	Vĩnh Long	Nam Măng Thít	3	2	Tiêu thoát nước	x	
26	Kênh Kiến Vàng – Thầy Thơ	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	2,7	4	Tiêu thoát nước	x	
27	Rạch Cái Cá	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	4	15	Tiêu thoát nước	x	
28	Rạch Cá Lóc	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	3	15	Tiêu thoát nước	x	

STT	Kênh nạo vét	Địa điểm	Thuộc HTTL	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
29	Rạch Gò Đàng	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	3,2	10	Tiêu thoát nước	x	
30	Kênh Cầu 1/5	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,3	4	Tiêu thoát nước	x	
31	Kênh Chín Tề	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,5	3	Tiêu thoát nước	x	
32	Kênh 30/0	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	0,8	3	Tiêu thoát nước	x	
33	Kênh Thương Phế Binh	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	13	5	Tiêu thoát nước	x	
34	Rạch Ngãi Hiên	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	4	10	Tiêu thoát nước	x	
35	Rạch Cây Cui	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	3,2	4	Tiêu thoát nước	x	
36	Rạch Lá – Kênh Sườn	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,15	5	Tiêu thoát nước	x	
37	Kênh Rạch Ông Bộ	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1	5	Tiêu thoát nước	x	
38	Kênh cặp lộ Ba Lai	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,2	5	Tiêu thoát nước	x	
39	Kênh Cũ	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,61	4	Tiêu thoát nước	x	
40	Kênh Cầu Cống	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,5	4	Tiêu thoát nước	x	
41	Rạch Xẻo Bấc	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,2	5	Tiêu thoát nước	x	
42	Kênh Xáng	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,3	10	Tiêu thoát nước	x	
43	Kênh 19/5	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	2,7	5	Tiêu thoát nước	x	
44	Kênh Ngã Bát	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,6	5	Tiêu thoát nước	x	
45	Rạch Chùa	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,2	5	Tiêu thoát nước	x	
46	Rạch Miếu Cái Đôi	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	0,8	9	Tiêu thoát nước	x	
47	Kênh Cây Me	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,7	5	Tiêu thoát nước	x	
48	Kênh Phú Nhuận - Nhơn Thạnh	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,4	5	Tiêu thoát nước	x	
49	Kênh 887	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	2	5	Tiêu thoát nước	x	
50	Rạch Cầu Nhà Việc	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	2,85	5	Tiêu thoát nước	x	
51	Rạch Tư Trắng	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	2	4	Tiêu thoát nước	x	
52	Rạch Sự	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1	4	Tiêu thoát nước	x	
53	Rạch Cây Da	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,25	5	Tiêu thoát nước	x	
54	Rạch Cây Dương	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1	5	Tiêu thoát nước	x	
55	Rạch Miếu	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	1,5	4	Tiêu thoát nước	x	
56	Rạch Cái Đôi Lớn – Rạch Áp Bắc	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	7,13	20	Tiêu thoát nước	x	
57	Sông Cái Cam	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	8,92	20	Tiêu thoát nước	x	

STT	Kênh nạo vét	Địa điểm	Thuộc HTTL	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
58	Sông Cái Cá – Kênh Đội Hồ	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	10,43	20	Tiêu thoát nước	x	
59	Rạch Thăm - Rạch Dừa - Bà Điều	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	3,69	15	Tiêu thoát nước	x	
60	Rạch Đường Chùa – Ngã Tắc	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	1,81	15	Tiêu thoát nước	x	
61	Rạch Địa Chuối - Kênh Mới - Ông Me Lớn	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	5,8	15	Tiêu thoát nước	x	
62	Rạch Cái Đa Lớn	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	4,12	10	Tiêu thoát nước	x	
63	Rạch Chùa - Nhà Dài	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	2,7	15	Tiêu thoát nước	x	
64	Sông Cà Sơn	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	6,91	15	Tiêu thoát nước	x	
65	Rạch Cầu Chùa – Ông Tôm	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	5,56	6	Tiêu thoát nước	x	
66	Rạch Bào Trọng - Rạch Ông Đập	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	2,21	6	Tiêu thoát nước	x	
67	Rạch Vàm Xếp – Ông Thiếc	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	2,38	6	Tiêu thoát nước	x	
68	Rạch Bình Lữ - Tân Hữu	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	4,45	6	Tiêu thoát nước	x	
69	Rạch Ngã Cay	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	3,8	6	Tiêu thoát nước	x	
70	Sông Cầu Lộ	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	3,37	6	Tiêu thoát nước	x	
71	Kênh Cụt	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	0,43	6	Tiêu thoát nước	x	
72	Rạch Ranh	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	3,48	6	Tiêu thoát nước	x	
73	Rạch Huyền Báo - Tân Thạnh	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	3,92	6	Tiêu thoát nước	x	
74	Rạch Ngọn Cầu	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	3,46	6	Tiêu thoát nước	x	
75	Rạch Long Khánh	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	1,1	6	Tiêu thoát nước	x	
76	Rạch Bến Chùa - Kênh Chợ Bưng	Đồng Tháp	Bảo Định	19,9	8	Tiêu thoát nước	x	
77	Kênh Lộ Ngang	Đồng Tháp	Bảo Định	11,8	5	Tiêu thoát nước	x	
78	Kênh Lộ Xoài	Đồng Tháp	Bảo Định	3,15	5	Tiêu thoát nước	x	
79	Rạch Hóc Đùng - Bà Ngọt - Kênh Lộ Tổng	Đồng Tháp	Bảo Định	8,6	6	Tiêu thoát nước	x	
80	Rạch Xáng Cụt - Cái Ngang	Đồng Tháp	Bảo Định	5,5	3	Tiêu thoát nước	x	
81	Rạch Cây Cốc	Đồng Tháp	Bảo Định	1,9	3	Tiêu thoát nước	x	
82	Rạch Đạo Ngạn	Đồng Tháp	Bảo Định	1,6	3	Tiêu thoát nước	x	
83	Sông Maspero	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	8	30	Tiêu thoát nước	x	

STT	Kênh nạo vét	Địa điểm	Thuộc HTTL	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
84	Sông Định	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	7,6	30	Tiêu thoát nước	x	
85	Kênh 30/4	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	3,7	10	Tiêu thoát nước	x	
86	Kênh Sóc Trăng - Phụng Hiệp	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	5,6	30	Tiêu thoát nước	x	
87	Kênh Tam - Sóc Bồ Tháo	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	4,4	20	Tiêu thoát nước	x	
88	Kênh Saintard	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	5	30	Tiêu thoát nước	x	
89	Rạch Trà Men	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	5,1	10	Tiêu thoát nước	x	
90	Kênh Sóc Đồ	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	4,6	10	Tiêu thoát nước	x	
91	Kênh Tài Công - Tân Hội	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	9,6	10	Tiêu thoát nước	x	
92	Sông Bãi Sao	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	8	10	Tiêu thoát nước	x	
93	Rạch Tân Hội	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	4,5	10	Tiêu thoát nước	x	
94	Kênh Cô Bắc	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	6	10	Tiêu thoát nước	x	
95	Kênh Tiếp Nhật	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	4	10	Tiêu thoát nước	x	
96	Kênh 2/9	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	4,5	10	Tiêu thoát nước	x	
97	Kênh Nhân Lực	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	3	10	Tiêu thoát nước	x	
98	Kênh Cái Xe - Ngan Rô	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	15	10	Tiêu thoát nước	x	
99	Kênh Phú Thuận - Thị Trấn	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	6	10	Tiêu thoát nước	x	
100	Kênh Mo Đen	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	3	10	Tiêu thoát nước	x	
101	Rạch Chắc Tùng	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	4	10	Tiêu thoát nước	x	
102	Kênh Tám Thước	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	6,2	10	Tiêu thoát nước	x	
103	Kênh Tân Thành - Tân Hưng	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	3,2	10	Tiêu thoát nước	x	
104	Kênh 77	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	6	10	Tiêu thoát nước	x	
105	Kênh Nhu Gia - Bãi Xâu	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	4	10	Tiêu thoát nước	x	
106	Rạch Chòi Mòi - Cái Đường	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	4,5	10	Tiêu thoát nước	x	
107	Sông Trà Nóc	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	6,45	50	Tiêu thoát nước	x	
108	Kênh Giáo Dân	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	3,35	23,8	Tiêu thoát nước	x	
109	Sông Bình Thủy	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	5,61	70	Tiêu thoát nước	x	
110	Kênh Thới Ninh - Rạch Mương Đông Điều	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	4,97	28,5	Tiêu thoát nước	x	
111	Rạch Cái Sơn	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	2,37	39,5	Tiêu thoát nước	x	
112	Rạch Mương Khai	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	1,55	19,5	Tiêu thoát nước	x	
113	Sông Lòng Ông	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	5,12	19	Tiêu thoát nước	x	

STT	Kênh nạo vét	Địa điểm	Thuộc HTTL	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
114	Kênh Trường Tiền	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	1,32	19	Tiêu thoát nước	x	
115	Rạch Cầu	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	2,63	10	Tiêu thoát nước	x	
116	Rạch Hai Hồng - Ngã Cái	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	3,81	24	Tiêu thoát nước	x	
117	Kênh Trà Niên	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	2,27	28,5	Tiêu thoát nước	x	
118	Kênh cấp 2	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	103,1	5	Tiêu thoát nước	x	
119	Rạch Bần	Cà Mau	Nam Cà Mau	5,5	6	Tiêu thoát nước	x	
120	Kênh Thống Nhất	Cà Mau	Nam Cà Mau	8,6	6	Tiêu thoát nước	x	
121	Kênh Mới	Cà Mau	Nam Cà Mau	6,7	6	Tiêu thoát nước	x	
122	Rạch Bà Đào	Cà Mau	Nam Cà Mau	4,8	6	Tiêu thoát nước	x	
123	Rạch Ông Muộn - Bà Cai Di	Cà Mau	Nam Cà Mau	4,5	6	Tiêu thoát nước	x	
124	Rạch Chòi Ngói - Bà Điều	Cà Mau	Nam Cà Mau	4,3	6	Tiêu thoát nước	x	
125	Kênh KM4	Cà Mau	Nam Cà Mau	0,23	6	Tiêu thoát nước	x	
126	Kênh KM1	Cà Mau	Nam Cà Mau	0,42	6	Tiêu thoát nước	x	
127	Kênh KM3	Cà Mau	Nam Cà Mau	0,15	6	Tiêu thoát nước	x	

Ghi chú: Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

Phụ lục V.3
DANH MỤC ĐỀ BAO

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Quy mô			Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
				Chiều dài (km)	Rộng mặt đê (m)	Cao trình đỉnh (m)			
1	Nâng cấp các ô bao chống ngập các phường, xã: Long Xuyên, Bình Đức, Mỹ Hòa Hưng	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	105,0	6,0	4	Ngăn lũ, triều cường, kết hợp giao thông	x	
2	Đê bao dọc sông cỏ Chiên	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	18,9	7,5	3	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
3	Đê bao Cù lao Long Trị	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	15,0	3,0	3	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
5	Đê bao chống ngập các phường, xã: Long Châu, Phước Hậu, Thanh Đức, Tân Hạnh, Tân Ngãi	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít				Ngăn lũ, triều cường, kết hợp giao thông	x	
4	Nâng cấp ô bao chống ngập các phường/xã: Mỹ Tho, Đạo Thạnh, Thới Sơn, Trung An	Đồng Tháp	Bảo Định	10,2	6,0	3	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
6	Đê bao kênh Cà Mau - Bạc Liêu	Cà Mau	Nam Cà Mau	15,0	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
7	Đê bao sông Tắc Thủ -sông Cà Mau	Cà Mau	Nam Cà Mau	17,9	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
8	Đê bao sông Gành Hào	Cà Mau	Nam Cà Mau	12,8	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
9	Đê bao kênh Lương Thế Trân	Cà Mau	Nam Cà Mau	9,9	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Quy mô			Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
				Chiều dài (km)	Rộng mặt đê (m)	Cao trình đỉnh (m)			
10	Đê bao sông Đốc	Cà Mau	Nam Cà Mau	3,6	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
11	Đê bao sông Trẹm - sông Đốc	Cà Mau	Nam Cà Mau	9,2	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
12	Đê bao sông Bạch Ngưu	Cà Mau	Nam Cà Mau	11,2	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
13	Đê bao kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Cà Mau	Nam Cà Mau	14,4	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
14	Đê bao kênh Rạch Rập	Cà Mau	Nam Cà Mau	10,4	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	
15	Đê bao đường vành đai số 3	Cà Mau	Nam Cà Mau	26,7	6,0	2	Ngăn triều cường, kết hợp giao thông	x	

Ghi chú: Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

Phụ lục V.4
DANH MỤC TRẠM BƠM

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Công suất (m ³ /h)	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030 ¹
1	Trạm bơm Cần Xây	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	8.000	Tiêu thoát nước		x
2	Trạm bơm Thông Lưu 2	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	8.000	Tiêu thoát nước	x	
3	Trạm bơm Bà Bản	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	8.000	Tiêu thoát nước	x	
4	Trạm bơm Cái Sơn 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	4.000	Tiêu thoát nước	x	
5	Trạm bơm Hội Đồng 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	4.000	Tiêu thoát nước	x	
6	Trạm bơm Đình Tú	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	8.000	Tiêu thoát nước		x
7	Trạm bơm Sáu Bửu 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	8.000	Tiêu thoát nước		x
8	Trạm bơm Cái Dung 1	An Giang	Tứ Giác Long Xuyên	4.000	Tiêu thoát nước		x
9	Trạm bơm Ngãi Hiền	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	10.800	Tiêu thoát nước	x	
10	Trạm bơm Bình Phú	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	5.400	Tiêu thoát nước	x	
11	Trạm bơm Thầy Thơ	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	5.400	Tiêu thoát nước	x	
12	Trạm bơm Cái Cá	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	5.400	Tiêu thoát nước	x	
13	Trạm bơm Cá Lóc	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	5.400	Tiêu thoát nước	x	
14	Trạm bơm Gò Đàn	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	10.800	Tiêu thoát nước	x	
15	Trạm bơm An Thuận 2	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	10.800	Tiêu thoát nước	x	
16	Trạm bơm Rạch Trôm	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	5.400	Tiêu thoát nước	x	
17	Trạm bơm An Thuận 1	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	5.400	Tiêu thoát nước	x	
18	Trạm bơm Rạch Miếu	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	5.400	Tiêu thoát nước	x	
19	Trạm bơm Cầu Vĩ	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	10.800	Tiêu thoát nước	x	
20	Trạm bơm Tân Hưng	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	21.600	Tiêu thoát nước	x	
21	Trạm bơm Ông Tôm	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	21.600	Tiêu thoát nước	x	
22	Trạm bơm Tân Quới Hưng	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	32.400	Tiêu thoát nước	x	
23	Trạm bơm Bình Lữ	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	43.200	Tiêu thoát nước	x	
24	Trạm bơm Khóm 3	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	32.400	Tiêu thoát nước	x	
25	Trạm bơm Kênh Mới	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	32.400	Tiêu thoát nước	x	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Thuộc HTTL	Công suất (m ³ /h)	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
26	Trạm bơm Phước Ngon	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	32.400	Tiêu thoát nước	x	
27	Trạm bơm Long Hưng	Vĩnh Long	Bắc Măng Thít	10.800	Tiêu thoát nước	x	
28	Trạm bơm An Tập	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	10.800	Tiêu thoát nước	x	
29	Trạm bơm Cô Bắc 1	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	10.800	Tiêu thoát nước	x	
30	Trạm bơm Cô Bắc 2	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	10.800	Tiêu thoát nước	x	
31	Trạm bơm Bồ Tháo	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	10.800	Tiêu thoát nước	x	
32	Trạm bơm Nhân Lực	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	10.800	Tiêu thoát nước	x	
33	Trạm bơm Năm Vui	Cần Thơ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	10.800	Tiêu thoát nước	x	
34	Trạm bơm Tham Tướng	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	3.600	Tiêu thoát nước		x
35	Trạm bơm Trà Nóc	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	10.800	Tiêu thoát nước		x
36	Trạm bơm Bình Thủy	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	10.800	Tiêu thoát nước	x	
37	Trạm bơm Mỹ Phước	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	10.800	Tiêu thoát nước		x
38	Trạm bơm N3	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	10.800	Tiêu thoát nước		x
39	Trạm bơm Thới Lợi	Cần Thơ	Tây Sông Hậu	10.800	Tiêu thoát nước		x
40	Trạm bơm Sóc Đồn	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	10.800	Tiêu thoát nước	x	
41	Trạm bơm Cà Vĩnh	Cà Mau	Quản Lộ - Phụng Hiệp	10.800	Tiêu thoát nước	x	
42	Các trạm bơm thuộc Ô bao số 1 (5 trạm)	Cà Mau	Nam Cà Mau	Tổng công suất: 48.000 m ³ /h	Tiêu thoát nước	x	
43	Các trạm bơm thuộc Ô bao số 2 (5 trạm)	Cà Mau	Nam Cà Mau	Tổng công suất: 50.000 m ³ /h	Tiêu thoát nước	x	
44	Các trạm bơm thuộc Ô bao số 3 (2 trạm)	Cà Mau	Nam Cà Mau	Tổng công suất: 20.000 m ³ /h	Tiêu thoát nước	x	
45	Các trạm bơm thuộc Ô bao số 4 (3 trạm)	Cà Mau	Nam Cà Mau	Tổng công suất: 30.000 m ³ /h	Tiêu thoát nước	x	

Ghi chú: Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

Phụ lục V.5
DANH MỤC HỒ ĐIỀU HÒA

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm	Thuộc HTTL	Nhiệm vụ	Quy mô (m ³)	Đến năm 2030	Sau năm 2030
1	Hồ Bình Phú	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	Trữ nước, giảm ngập úng	20.000	x	
2	Hồ Mỹ Thạnh An 1	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	Trữ nước, giảm ngập úng	70.000	x	
3	Hồ Mỹ Thạnh An 2	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	Trữ nước, giảm ngập úng	75.000	x	
4	Hồ Mỹ Thạnh An 3	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	Trữ nước, giảm ngập úng	75.000	x	
5	Hồ Trung tâm Thể dục thể thao	Vĩnh Long	Bắc Bến Tre	Trữ nước, giảm ngập úng	60.000	x	
6	Hồ điều hòa (7 hồ)	Cà Mau	Nam Cà Mau	Trữ nước, giảm ngập úng	2.380.000	x	

Ghi chú: Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

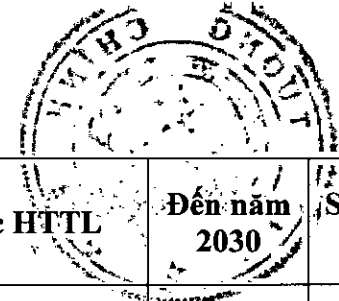


Phụ lục VI

DANH MỤC DỰ KIẾN NÂNG CẤP, XÂY MỚI HỆ THỐNG ĐÊ BAO, BỜ BAO, THỦY LỢI NỘI ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Nhiệm vụ	Quy mô (ha)	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
I	Nâng cấp hệ thống đê bao/bờ bao vùng lũ							
1	Nâng cấp hệ thống đê bao chống lũ triệt để vùng Đồng Tháp Mười và Tứ Giác Long Xuyên	Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	270.000	Ngọt	Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên	x	x
2	Nâng cấp ô bao khu vực Tây sông Hậu	Cần Thơ, An Giang	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	350.000	Ngọt	Cái Sắn - Ô Môn, Ô Môn - Xà No, Nam Xà No	x	x
3	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi phía Bắc kênh Thủ Thừa vùng giữa hai sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây	Tây Ninh	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	47.000	Ngọt	Bắc Thủ Thừa	x	x
II	Hoàn thiện đê bao, ô bao vườn cây ăn trái							
1	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái tuyến Ông Hào, TràETCH	Cần Thơ	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	550	Ngọt	Ô Môn - Xà No	x	
2	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái tuyến Xẻo Lá, Năm Tụ, Cây Cầm	Cần Thơ	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	950	Ngọt	Ô Môn - Xà No	x	
3	Ô bao Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp B, kênh 5	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	2.700	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Nhiệm vụ	Quy mô (ha)	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
4	Ô bao phía Tây, phía Đông kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	1.700	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
5	Ô bao Thanh Hòa - Tân Hòa Tây	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	3.600	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
6	Ô bao Tây kênh Tổng, Đông huyện lộ 65; Ô bao Bắc quốc lộ 1 - Nam cao tốc (Trung Lương - Mỹ Thuận)	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	2.800	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
7	Ô bao Tây sông Phú An	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	1.600	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
8	Ô bao Cà Nai - Cây Còng và Cầu Gió - Cà Nai	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	420	Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	
9	Các ô bao bảo vệ vườn chuyên canh cây ăn trái Nam Nguyễn Văn Tiếp	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng		Ngọt	Đồng Tháp Mười	x	x
III	Đê bao chống ngập cho vùng trũng thuộc hệ thống thủy lợi Ba Rinh - Tà Liêm và Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cần Thơ	Chống ngập úng		Ngọt - Lợ	Quản Lộ - Phụng Hiệp	x	
IV	Nâng cấp các cù lao trên sông Tiền, Sông Hậu							
1	Cù lao Vĩnh Trường và khu vực giữa sông Hậu với sông Châu Đốc	An Giang	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	9.000	Ngọt	Cù lao	x	
2	Đê và các cống ngăn mặn cù lao Ngũ Hiệp	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	2.000	Ngọt	Cù lao	x	
3	Đê và các cống ngăn mặn cù lao Tân Phong	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	2.000	Ngọt	Cù lao	x	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Nhiệm vụ	Quy mô (ha)	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
4	Đê và các công ngăn mặn cù lao Thới Sơn	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	700	Ngọt - lợ	Cù lao	x	
5	Hệ thống công ngăn mặn, giữ ngọt khu vực cù lao Long Hồ	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng		Ngọt	Cù lao	x	
6	Hệ thống ngăn mặn, giữ ngọt cù lao Thanh Bình và Quới Thiện	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng		Ngọt - Lợ	Cù lao	x	
V	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng vùng giữa sông Tiền - sông Hậu							
1	Hoàn thiện ô bao nội đồng Bắc Măng Thít	Đồng Tháp	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	10.000	Ngọt	Bắc Măng Thít	x	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao vùng Bắc Vàm Nao	An Giang	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	34.000	Ngọt	Bắc Vàm Nao	x	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao vùng Nam Vàm Nao	An Giang	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	37.000	Ngọt	Nam Vàm Nao	x	
4	Nâng cấp hệ thống đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã	An Giang	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	6.000	Ngọt	Bắc Vĩnh An	x	
5	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Mỹ Lộc, Mỹ Thạnh Trung, Long Phú, Song Phú	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	6.000	Ngọt	Bắc Măng Thít	x	
6	Hệ thống thủy lợi Thanh Đức, Long Mỹ	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng	2.000	Ngọt	Bắc Măng Thít	x	
7	Hệ thống thủy lợi kênh Trà Ngòa	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng		Ngọt	Bắc Măng Thít	x	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Nhiệm vụ	Quy mô (ha)	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
8	Hệ thống thủy lợi kênh Xã Tàu - Sóc Tro	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng		Ngọt	Bắc Măng Thít	x	
9	Hệ thống thủy lợi Cồn Lục Sỹ (giai đoạn 2)	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng		Ngọt	Cù lao	x	
10	Hệ thống thủy lợi kênh Cái Cá - Mây Túc	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng		Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
11	Hệ thống thủy lợi ngăn mặn, tiếp ngọt khu vực Bắc Vũng Liêm	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng		Ngọt - Lợ	Nam Măng Thít	x	
12	Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực Bình Minh – Tam Bình	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng		Ngọt	Bắc Măng Thít	x	
13	Hệ thống thủy lợi Long Hồ - rạch Cái Sao – sông Lung	Vĩnh Long	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng		Ngọt	Bắc Măng Thít	x	
VI	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng vùng ven biển							
1	Cải tạo, nâng cấp đê bao kết hợp giao thông đồng muối Đông Hải	Cà Mau	Cấp, tiêu thoát nước, chống ngập úng, kết hợp giao thông	1.380	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
2	Nâng cấp đê bao và các công trình phụ trợ tiểu vùng II Bắc Cà Mau	Cà Mau	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	45.000	Mặn	U Minh Hạ	x	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Nhiệm vụ	Quy mô (ha)	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
3	Xây dựng mới, nâng cấp Tiểu vùng I, III, IV, V, VI - Bắc Cà Mau	Cà Mau	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	164.717	Mặn	U Minh Hạ, Cái Lớn - Cái Bé	x	
4	Xây dựng mới hệ thống thủy lợi 17 tiểu vùng Nam Cà Mau	Cà Mau	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	173.412	Mặn	Nam Cà Mau	x	x
5	Xây dựng hệ thống thủy lợi 10 tiểu vùng ven biển Năm Căn – Ngọc Hiển	Cà Mau	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	147.182	Mặn	Nam Cà Mau		lx
6	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi Rạch Chanh - Trị Yên và Đồi Ma - Xóm Bò - Mồng Gà	Tây Ninh	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	10.000	Mặn	Đông Vàm Cỏ Đông	x	
VII	Trạm bơm và đường ống cấp nước mặn từ biển phục vụ nuôi trồng thủy sản							
1	Trạm bơm và đường ống cấp nước mặn từ biển phục vụ nuôi trồng thủy sản: - Tuyến ống từ biển vào đầu tuyến đường bãi Chà Và - Xoa Áo - Tuyến đường ống từ biển vào đầu tuyến kênh Cây Me	An Giang	Cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản	900	Mặn	Tứ Giác Long Xuyên	x	
2	Hệ thống cấp nước mặn cho khu nuôi tôm công nghệ cao phường Nhà Mát	Cà Mau	Cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản	450	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Nhiệm vụ	Quy mô (ha)	Vùng	Thuộc HTTL	Đến năm 2030	Sau năm 2030
3	Hệ thống cấp nước mặn cho khu nuôi tôm tập trung Vĩnh Trạch Đông	Cà Mau	Cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản	400	Mặn	Ven biển Cần Thơ - Cà Mau	x	
4	Hệ thống cấp nước mặn cho khu nuôi tôm công nghệ cao tiểu vùng III Bắc Cà Mau	Cà Mau	Cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản	400	Mặn	U Minh Hạ	x	
VIII	Nâng cấp hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất lúa Các bon thấp	Cà Mau	Cấp, tiêu thoát nước, ngăn mặn, trữ nước, chống ngập úng	46.000	Ngọt - Lợ		x	
IX	Các công trình chuyển nước							
1	Chuyển nước Nam Cà Mau	Cà Mau	Cấp nước		Mặn	Nam Cà Mau	x	
2	Chuyển nước từ Bảo Định sang Gò Công	Đồng Tháp	Cấp nước		Ngọt - Lợ	Bảo Định - Gò Công		x

Ghi chú:

- Các công trình thủy lợi nội đồng, nâng cấp các ô bao bao gồm các hạng mục: Xây mới, sửa chữa, nâng cấp trạm bơm, hoàn thiện hệ thống công, nạo vét kênh nội đồng, nâng cấp đê bao...

- Danh mục dự án theo từng giai đoạn xác định trong Quy hoạch có thể được xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện tùy theo tính cấp thiết và tình hình thực tế. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.



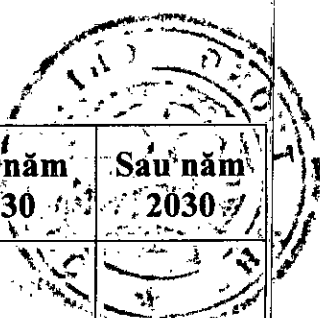
Phụ lục VII

PHỤ LỤC DỰ KIẾN NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-TTg

ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
I	Hoàn thiện Quy trình vận hành các Hệ thống thủy lợi		
1	Hệ thống thủy lợi Bảo Định	x	
2	Hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít	x	
3	Hệ thống thủy lợi Gò Công	x	
4	Hệ thống thủy lợi Ô Môn - Xà No	x	
5	Hệ thống thủy lợi Quán Lộ - Phụng Hiệp	x	
6	Hệ thống thủy lợi Long Phú - Tiếp Nhật	x	
7	Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre	x	
8	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre	x	
II	Điều tra cơ bản		
1	Điều tra, đánh giá hiện trạng dân cư sống ven sông, kênh, rạch vùng đồng bằng sông Cửu Long	x	x
2	Điều tra, đánh giá chất lượng nguồn nước biển ven bờ phục vụ giải pháp cấp nước mặn bằng đường ống cho nuôi trồng thủy sản	x	
3	Điều tra, đánh giá các khu vực có tiềm năng xây dựng các hồ chứa nước ngọt vùng ven biển	x	
4	Chương trình dự báo nguồn nước phục vụ điều hành sản xuất	x	x
5	Điều tra, đánh giá hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao vùng đồng bằng sông Cửu Long		x
6	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (WebGIS) về thủy lợi phục vụ công tác quản lý công trình.	x	



TT	Nhiệm vụ	Đến năm 2030	Sau năm 2030
III	Một số vấn đề nghiên cứu bổ sung		
1	Hiệu quả và các tác động tiềm tàng của việc đầu tư các công trình kiểm soát cửa sông vùng đồng bằng sông Cửu Long.	x	
2	Nghiên cứu các giải pháp thủy lợi nội đồng phù hợp với mô hình sản xuất theo các vùng sinh thái.	x	
3	Nghiên cứu giải pháp hiện đại hóa các hệ thống thủy lợi đã được đầu tư.	x	
4	Nghiên cứu, đánh giá tác động phân lưu dòng chảy tại các cửa sông Tiền và sông Hậu	x	
5	Nghiên cứu giải pháp phục hồi đáy sông, nâng mực nước sông Cửu Long	x	
6	Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả phục vụ của các hệ thống thủy lợi tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, đề xuất các giải pháp hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ trong điều kiện biến động nguồn nước và chuyển đổi sản xuất	x	



Phụ lục VIII

DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-TTg

ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm
I	Các công trình chuyển nước	
I.1	Công trình chuyển nước Nam QL1 Cà Mau	
1	Cống âu thuyền Vàm Léo	Cà Mau
2	Cống âu thuyền Hộ Phòng	Cà Mau
3	Trạm bơm Cầu Sập	Cà Mau
4	Cống phía tây kênh Ngàn Dừa - Cầu Sập (21 cống)	Cà Mau
5	Cống bờ nam kênh Cà Mau - Bạc Liêu (21 cống)	Cà Mau
I.2	Công trình chuyển nước Bán đảo Cà Mau	
1	Cống Lương Thế Trân	Cà Mau
2	Cống Bà Kẹo	Cà Mau
3	Cống Sông Đốc	Cà Mau
4	Cống ven sông Trẹm (28 cống)	Cà Mau
5	Cống ven kênh Chắc Băng (30 cống)	Cà Mau, An Giang
II	Các công kiểm soát dọc sông Tiền, sông Hậu	
1	Cống Rạch Vọp	Cần Thơ
2	Cống Mương Khai 2	Cần Thơ
3	Cống Trà Êch	Cần Thơ
4	Cống Trà Quýt	Cần Thơ
5	Cống Cầu Trường	Cần Thơ
6	Cống Cái Trung	Cần Thơ
7	Cống Cái Trâm	Cần Thơ
8	Cống Cái Cau	Cần Thơ
9	Cống Mương Khai	Cần Thơ
10	Cống âu Đại Ngãi	Cần Thơ
11	Cống âu Mỹ Xuyên	Cần Thơ
12	Cống Thơm Rơm	Cần Thơ
13	Cống Bằng Tảng	Cần Thơ
14	Cống Ô Môn	Cần Thơ
15	Cống Ngã Cái	Cần Thơ
16	Cống Cần Thơ Bé	Cần Thơ

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm	
17	Cổng Bò Ót	Cần Thơ	
18	Cổng Thốt Nốt	Cần Thơ	
19	Cổng Rạch Vàm	Cần Thơ	
20	Cổng Đất Mới	Cần Thơ	
21	Cổng Trà Nóc	Cần Thơ	
22	Cổng Cần Thơ	Cần Thơ	
23	Cổng Bình Thủy	Cần Thơ	
24	Cổng Mái Dầm	Cần Thơ	
25	Cổng Cái Côn	Cần Thơ	
26	Cổng Ba Rài	Đồng Tháp	
27	Cổng Cái Bè	Đồng Tháp	
28	Cổng Trà Lọt	Đồng Tháp	
29	Cổng Cái Côi	Đồng Tháp	
III	Nạo vét các kênh trục chuyển nước liên vùng		
III.1	Nạo vét các kênh trục vùng Tứ Giác Long Xuyên		
1	Kênh T3	An Giang	
2	Kênh T4	An Giang	
3	Kênh T5	An Giang	
4	Kênh Tròn	An Giang	
5	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	An Giang	
6	Kênh Chắc Năng Gù	An Giang	
7	Kênh Mười Châu Phú	An Giang	
8	Kênh Trà Sư - Tri Tôn	An Giang	
9	Kênh Cần Tháo	An Giang	
10	Kênh Cầu Sỏi 2	An Giang	
III.2	Nạo vét các kênh trục vùng Đồng Tháp Mười		
1	Kênh Tân Thành - Lò Gạch	Đồng Tháp, Tây Ninh	
2	Kênh An Bình	Đồng Tháp, Tây Ninh	
3	Kênh Phước Xuyên	Đồng Tháp, Tây Ninh	
4	Kênh Đồng Tiến	Đồng Tháp, Tây Ninh	
5	Kênh An Phong - Mỹ Hòa	Đồng Tháp, Tây Ninh	
6	Kênh 28	Đồng Tháp	
7	Kênh Tân Công Chí	Đồng Tháp	
8	Kênh Hưng Điền	Tây Ninh	
9	Kênh 79	Tây Ninh	

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm
III.3	Nạo vét các kênh trục vùng Tây sông Hậu	
1	Kênh KH1	An Giang, Cần Thơ
2	Kênh KH5	An Giang, Cần Thơ
3	Kênh KH6	An Giang, Cần Thơ
4	Kênh KH7	An Giang, Cần Thơ
5	Kênh KH9	An Giang, Cần Thơ
6	Kênh Thốt Nốt	An Giang, Cần Thơ
III.4	Nạo vét trục chuyển nước Cần Thơ - Cà Mau	
1	Kênh Cá Bè - Thầy Cai	Cần Thơ, Cà Mau
2	Kênh 26/3 - Nhà Thờ	Cần Thơ, Cà Mau
IV	Hoàn thiện các hệ thống thủy lợi	
1	Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre	Vĩnh Long
2	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre	Vĩnh Long
3	Hệ thống thủy lợi Bắc Vàm Nao	An Giang
4	Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé	An Giang, Cần Thơ, Cà Mau
5	Hệ thống thủy lợi Nhật Tảo - Tân Trụ	Tây Ninh
6	Hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít	Vĩnh Long
7	Hệ thống thủy lợi Bảo Định	Đồng Tháp, Tây Ninh
8	Hệ thống thủy lợi Gò Công	Đồng Tháp
9	Hệ thống thủy lợi Ô Môn - Xà No	Cần Thơ, An Giang
10	Hệ thống thủy lợi Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cần Thơ, Cà Mau
11	Hệ thống thủy lợi Long Phú - Tiếp Nhật	Cần Thơ
V	Các công trình trữ nước	
1	Công trình trữ nước sông Cái Cấm	Vĩnh Long
2	Công trình trữ nước sông Cửa Trung	Đồng Tháp
3	Công trình trữ nước Cù Lao Dung	Cần Thơ
4	Công trình trữ nước Tam Nông	Đồng Tháp
5	Công trình trữ nước U Minh Thượng	An Giang
VI	Công trình chống ngập cho các đô thị	
VII	Các công trình kiểm soát cửa sông	
1	Công trình kiểm soát nguồn nước cửa sông Vàm Cỏ	Tây Ninh
2	Công trình kiểm soát nguồn nước cửa sông Hàm Luông	Vĩnh Long